



**ĐỔI MỚI -
PHÁT TRIỂN**
1982-2012



SAVICO

Báo Cáo Thường Niên 2012

Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi	04	Báo cáo Hội đồng quản trị	48
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	06	Báo cáo Ban Kiểm soát	55
Các chặng đường hình thành và phát triển	08	Thông tin cổ phiếu và cổ đông	60
Mục tiêu chủ yếu của Công ty	12	Công tác quan hệ nhà đầu tư 2012 (IR)	64
Sơ đồ tổ chức của Công ty	14	SAVICO & công tác phát triển thương hiệu	65
Tổ chức và nhân sự	17	Công tác xã hội, đoàn thể và các hoạt động khác	67
Thông tin các thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban KS	20	Báo cáo tài chính riêng 2012	68
Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO	28	Báo cáo tài chính hợp nhất 2012	80
Báo cáo của Tổng Giám đốc	38	Danh sách các Công ty Con, Liên doanh liên kết	138



SỬ MỆNH - TẦM NHÌN - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



SAVICO

TẦM NHÌN

Trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập Khu vực và Quốc tế.

SỬ MỆNH

Nhà cung cấp dịch vụ tốt nhất luôn hướng mọi hoạt động của Công ty nhằm phục vụ sự thỏa mãn của khách hàng.

“Thỏa mãn khách hàng là hạnh phúc chính mình”

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

“SAVICO địa chỉ tin cậy của các cổ đông và nhà đầu tư, nơi kết nối, gia tăng các lợi ích của khách hàng, cổ đông, người lao động, và cộng đồng xã hội trên nền tảng văn hóa SAVICO”

“Tôn trọng, lắng nghe và xem lợi ích của khách hàng, đối tác, cổ đông là lợi ích của chính mình”

“Đoàn kết, vượt qua thách thức; Tự đổi mới, đón đầu cơ hội, gặt hái thành công”.

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong lúc mọi hoạt động kinh doanh đều giảm sút thì hoạt động dịch vụ vẫn tiếp tục phát huy hiệu quả đã khẳng định chiến lược kinh doanh tập trung phát triển các loại hình dịch vụ là quyết định đúng đắn nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, phòng ngừa rủi ro, phát triển bền vững.

Kính thưa Quý cổ đông, các nhà đầu tư,

Năm 2012, một năm đầy khó khăn và thách thức đối với các doanh nghiệp trong cả nước, hầu hết các doanh nghiệp đang đối mặt với nhiều rủi ro, tình trạng hàng hóa tồn kho tăng cao, khó tiếp cận các nguồn vốn dù lãi suất cao, phải thu hẹp quy mô sản xuất, cắt giảm tối đa các chi phí, giảm chỉ tiêu kinh doanh và tận dụng các nguồn lực đã tích lũy từ các năm trước để duy trì hoạt động. Các lĩnh vực hoạt động của SAVICO bị ảnh hưởng mạnh mẽ, sức mua của thị trường ô tô, xe máy giảm mạnh so với các năm trước; Thị trường bất động sản, tài chính, chứng khoán giảm sâu, chi phí sử dụng vốn tăng cao... Bên cạnh đó, việc tiếp cận các nguồn vốn vay gặp rất nhiều khó khăn đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh, đầu tư của SAVICO.

Năm 2012 đi qua đã để lại không ít bài học kinh nghiệm cho các công ty thành viên trong toàn hệ thống SAVICO. Đó là những bài học về công tác dự báo, quản trị nguồn vốn, kiểm soát hàng tồn kho, quản trị chi phí. Trong lúc mọi hoạt động kinh doanh đều giảm sút thì hoạt động dịch vụ vẫn tiếp tục phát huy hiệu quả đã khẳng định chiến lược kinh doanh tập trung phát triển các loại hình dịch vụ là quyết định đúng đắn nhằm đảm



bảo hiệu quả kinh doanh, phòng ngừa rủi ro, phát triển bền vững; Đối với lĩnh vực dịch vụ bất động sản và dịch vụ tài chính, đó là bài học kinh nghiệm từ những rủi ro về chính sách vĩ mô quản trị các công cụ tài chính. Trong toàn cảnh bức tranh kinh tế năm 2012, với hàng chục ngàn doanh nghiệp giải thể, phá sản, ngưng hoạt động kinh doanh, ... SAVICO với những giải pháp điều hành linh hoạt đã đem lại kết quả: tổng doanh thu hợp cộng là 6.992 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp cộng là 78,1 tỷ đồng, tổng doanh thu hợp nhất là 5.433 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 61,4 tỷ đồng đã tiếp tục khẳng định sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên toàn hệ thống SAVICO.

Để đạt được kết quả trên, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo các công ty thành viên bám sát thị trường, tăng cường công tác dự báo, kịp thời đưa ra các giải pháp quyết liệt và đã điều chỉnh kế hoạch 2012 để đảm bảo an toàn tài chính, giảm áp lực hàng hóa tồn kho, tiếp tục duy trì sự phát triển ổn định trong hệ thống nhằm thực hiện được kết quả tốt nhất.

Năm 2013, nền kinh tế Việt Nam được dự báo là còn rất nhiều khó khăn, Chính phủ sẽ tiếp tục thực hiện chính sách ưu tiên "kiểm chế lạm phát, tăng trưởng hợp lý, ổn định kinh tế vĩ mô", đồng thời giải quyết những bất cập, khó khăn phát sinh của nền kinh tế như: nợ xấu ngân hàng, bất động sản đóng băng, tồn kho còn lớn, kinh tế vĩ mô chưa vững chắc, lạm phát vẫn có nguy cơ tăng cao trở lại. Nền kinh tế chưa lấy lại được đà tăng trưởng, sản xuất kinh doanh và giải quyết việc làm đang rất khó khăn, nguồn lực của doanh nghiệp và thu nhập dân cư sụt giảm. Niềm tin của thị trường còn ở mức thấp... Các doanh nghiệp ngành dịch vụ - thương mại đang đối diện với sự sụt giảm lớn của thị trường và phải chống chọi để không bị đào thải trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Tuy nhiên, năm 2013 cũng được xem là năm khởi đầu cho tái cấu trúc của nền kinh tế Việt Nam và quyết tâm cao của Chính phủ với những quyết sách để ngăn chặn sự suy giảm trong ngắn hạn, đồng thời tạo nền tảng phát triển một cách bền vững trong dài hạn, qua đó HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện (1) Đánh giá lại để hoàn thiện chiến lược 2010-2015 của toàn hệ thống Công ty, từ đó tiến hành xây dựng và điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2013-2015, tầm nhìn 2020 phù hợp với năng lực hiện có và triển khai hệ thống dự báo và phòng ngừa rủi ro cho toàn Công ty (2) Tập trung rà soát, củng cố tổ chức, tái cấu trúc doanh nghiệp Công ty mẹ và các công ty thành viên để gia tăng chất lượng quản trị, hệ thống quản lý rủi ro, quản trị chi phí, sáp nhập hoặc chuyển hướng hoạt động các công ty có hiệu quả kém (3) Phải triệt để tiết giảm chi phí, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, kiểm soát hàng hóa tồn kho, đầu tư và sử dụng vốn có hiệu quả, tích cực triển khai các giải pháp mở rộng thị trường tại các thành phố lớn (4) Triển khai chương trình *Nâng cao năng lực hoạt*

động của toàn hệ thống với chủ đề "2013 gia tăng chất lượng dịch vụ, phục vụ khách hàng" phát triển các loại hình dịch vụ mang lại giá trị gia tăng cao, (5) Tiếp tục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chăm lo đội ngũ CBNV đi đôi với việc tái cấu trúc bộ máy tổ chức, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty, phát triển nhân sự theo hướng chuyên nghiệp, tiếp tục bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, hoàn thiện các chính sách, quy chế quản trị thông qua quy định pháp luật nhằm gia tăng công tác quản trị minh bạch (6) Tiếp tục thanh khoản danh mục đầu tư (bất động sản, tài chính), kiên quyết cắt giảm tổng tài sản, giảm chi phí vốn, đảm bảo an toàn vốn và sử dụng vốn có hiệu quả, nâng cao năng lực tài chính toàn hệ thống (7) Nâng cao sự gắn kết và phân công chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT, xem xét củng cố hoạt động các Tiểu ban HĐQT với chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận Văn phòng Công ty. Tăng cường công tác PR nội bộ, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa các bộ phận tại Văn phòng Công ty với nhau và với các đơn vị trong hệ thống.

Năm 2013 sẽ là một năm có ý nghĩa hết sức quan trọng của tập thể CBQL và người lao động dựa trên bản lĩnh, kinh nghiệm, tự tin và sự gắn bó vì mục tiêu xây dựng vững chắc ngôi nhà SAVICO tôi tin rằng kết quả đạt được năm 2013 sẽ cao hơn năm 2012.

Thay mặt Hội đồng quản trị, xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng đã luôn tin tưởng, chung tay góp sức cho sự phát triển của Công ty trong thời gian qua, chia sẻ động lực để HĐQT, BĐH và CBNV toàn hệ thống tiếp tục cố gắng trong thời gian sắp tới.

Xin chân thành cảm ơn.

NGUYỄN VĨNH THỌ

Chủ tịch Hội đồng quản trị



CÁC CHẶNG ĐƯỜNG HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN





THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
Tên giao dịch	: SAVICO
Mã chứng khoán	: SVC
Trụ sở chính	: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84-8) 3821 3913
Fax	: (84-8) 3821 3553 / 3821 5992
Website	: www.savico.com.vn
Email	: savico@savico.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

BƯỚC KHỞI NGHIỆP (1982 - 1985)

Năm 1982 cả nước hoạt động trong nền kinh tế bao cấp, Quận 1 đã đề xuất ý tưởng phát triển ngành kinh tế dịch vụ như một mô hình thí điểm. Đề án ấy đã được ủng hộ và Công ty Dịch vụ Quận 1, tiền thân của Công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) được thành lập. Với vị trí trung tâm của thành phố Hồ Chí Minh, Quận 1 có nhiều cửa hàng hoạt động dịch vụ như may đo, giặt ủi, uốn tóc, giày da, sửa chữa xe, dịch vụ giữ xe, dịch vụ văn phòng, sửa chữa điện lạnh, điện tử... nằm rải rác trên địa bàn quận; Theo chủ trương của thành phố lúc ấy, những cơ sở này đòi hỏi phải được tổ chức, tập hợp lại để quản lý chuyên sâu theo ngành nhằm tận dụng tay nghề của các hộ tư nhân thông qua phương thức hợp tác kinh doanh. Ngày thành lập với 07 điểm kinh doanh phục vụ. Đến năm 1985 khi thành phố tiến hành công tác cải tạo ngành công thương nghiệp; SAVICO cũng đã tập hợp và phát triển 90 cửa hàng và 140 điểm kinh doanh phục vụ, 127 điểm giữ xe 2 bánh ... Chủ trương này đã góp phần mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty, tạo việc làm cho người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước, minh chứng cho sự phát triển tất yếu của ngành kinh tế dịch vụ.

XÂY DỰNG NỀN MÓNG (1986 - 1997)

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 6 như một luồng gió mới thổi vào nền kinh tế của đất nước mà trong đó ngành kinh tế dịch vụ được tạo thêm sức mạnh để đột phá phát triển. Năm 1990, nền kinh tế xã hội được chuyển từ chế độ kinh tế tập trung sang kinh tế thị trường; Tình hình kinh tế xã hội lúc ấy tiếp tục diễn biến phức tạp và đầy khó khăn bởi sự đổ vỡ hàng loạt của các Hợp tác xã tín dụng.... Trong bối cảnh đó, Công ty tập trung vào công tác quản lý, tìm mọi cách xoay sở, duy trì các hoạt động sẵn có, mở rộng một số lĩnh vực hoạt động mới, tạo tiền đề để phát triển.

Năm 1991 mạng lưới Công ty được chính thức định hình và phát triển; Ngoài Tổng đại lý xe gắn máy Vindo Motor được thành lập 1990; SAVICO triển khai bán hàng cho các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới; Đặc biệt tham gia vào lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu. Đây cũng chính là tiền đề dẫn đến sự hình thành mô hình kinh doanh dịch vụ gắn với thương mại.

Đồng thời đầu tư vốn, mở rộng ngành hàng, liên kết các đơn vị kinh tế khác góp vốn kinh doanh, khai thác

thị trường trong và ngoài nước để tiêu thụ và cung ứng hàng xuất nhập khẩu. Bằng chính hoạt động này Công ty đã có thể cân đối việc thanh toán lại trị giá hàng đại lý cho nước ngoài và mang lại lợi nhuận cho Công ty.

Năm 1992, Công ty Dịch vụ Quận 1 được đổi tên thành Công ty Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn theo quyết định 17/QĐ-UB ngày 29/9/1992 của UBND TP HCM. Trong thời điểm này Công ty vẫn xác định loại hình kinh tế dịch vụ chiếm một vị trí quan trọng, tất yếu trong nền kinh tế của đất nước. Từ đó SAVICO lấy hoạt động dịch vụ làm nền tảng cho tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng các hoạt động như dịch vụ địa ốc, lắp ráp và kinh doanh xe gắn máy, phân phối ô tô, khai thác dịch vụ du lịch, Taxi... Đặc biệt, SAVICO đã mạnh dạn áp dụng phương thức bán xe trả góp cho người tiêu dùng, đây là một bước đột phá mới vào thời điểm ấy đã mang lại cho Công ty một hiệu quả nhất định... Quy mô hoạt động của Công ty vượt khỏi phạm vi Tp.HCM và hình thành các Trung tâm thương mại, các Chi nhánh, văn phòng tại các thành phố như Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ cùng với các đại lý có mặt trong cả nước. SAVICO là đơn vị đầu tiên kinh doanh xe ô tô theo cơ chế thị trường tại Việt Nam. Nhiều tập đoàn lớn của nước ngoài đã tín nhiệm và chọn SAVICO làm đại lý phân phối sản phẩm như Toyota, Suzuki, Peugeot, Opel, Daihatsu và Công ty đã tận dụng thế mạnh của từng đối tác, tiếp thu được công nghệ lẫn phong cách quản lý tiên tiến. Đặc biệt năm 1996 Công ty đã ký hợp đồng đại lý độc quyền phân phối xe gắn máy Suzuki tại vùng thị trường 19 tỉnh thành phía nam, tập trung, tổ chức kinh doanh mặt hàng xe gắn máy nhãn hiệu Suzuki ... cùng với sản phẩm gia dụng của các thương hiệu như Toshiba, Minolta, Seiko...

Năm 1997 SAVICO chính thức là Công ty thành viên của Tổng Công ty Bến Thành.

TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN (1998 - 2004)

SAVICO tập trung chuyển hướng dẫn hoạt động của Công ty từng bước chuyển hướng sang mô hình Công ty đầu tư, tiếp tục phát triển các loại hình dịch vụ thương mại, đầu tư và tham gia quản lý vào những ngành dịch vụ then chốt như ngân hàng, dịch vụ bưu chính viễn

thông... Bên cạnh đó, SAVICO đã đẩy nhanh tiến độ đầu tư khai thác các dự án bất động sản có vị trí thuận lợi ngay tại Trung tâm thành phố, tạo được sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đặc biệt, Công ty đã xây dựng và phát triển các chuỗi đại lý phân phối sản phẩm uy tín như:

- Hệ thống phân phối ô tô: Toyota, Ford, GM Daewoo...
- Hệ thống phân phối xe gắn máy Suzuki...
- Đại lý phân phối sản phẩm dịch vụ viễn thông...

Qua từng chặng đường hoạt động SAVICO vừa chứng minh sự cần thiết tồn tại mà còn mở rộng hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước để phát triển ngành nghề và xây dựng thương hiệu. Ngày 31/12/2004 SAVICO kết thúc giai đoạn doanh nghiệp nhà nước để chuyển đổi thành mô hình Công ty cổ phần, sự kế thừa nhằm đến mục tiêu cao hơn, là động lực thúc đẩy để SAVICO tiếp tục phát triển, khẳng định tầm vóc một thương hiệu mạnh tại thị trường trong và ngoài nước.

TRÊN ĐƯỜNG HỘI NHẬP (2005 - 2012...)

Công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) chuyển sang mô hình Công ty cổ phần và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 04/01/2005 cho đến nay. Qua 30 năm hoạt động, với những bài học thực tiễn Công ty xác định chiến lược 2010 - 2015 tầm nhìn 2020 phát triển theo mô hình Công ty đầu tư tập trung vào 3 lĩnh vực Dịch vụ Thương mại, Bất Động Sản, Tài Chính, đồng thời tái cơ cấu bộ máy tổ chức, phát triển nguồn nhân lực phù hợp với từng giai đoạn qui mô phát triển của Công ty như sắp xếp các đơn vị cửa hàng xe gắn máy hình thành các Công ty TNHH, Công ty cổ phần hoạt động chuyên ngành và phát triển các đại lý xe ô tô trong cả nước. Đến nay hệ thống SAVICO được phát triển trải dài rộng khắp cả nước với 01 chi nhánh, 13 Công ty con, 06 Công ty liên doanh liên kết và đầu tư vào các doanh nghiệp khác...

MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

MỤC TIÊU KINH DOANH

1. Tiếp tục xây dựng thành công mô hình Công ty đầu tư mạnh trên phạm vi cả nước và khu vực vào năm 2015, với điều kiện An Toàn Tài Chính - Phát Triển Bền Vững và tầm nhìn 2020 hội nhập quốc tế.

2. Tổ chức phát triển mạnh mẽ hệ thống nhận dạng thương hiệu SAVICO ở 3 lĩnh vực chủ yếu nhằm gia tăng hiệu quả và uy tín thương hiệu, đó là:

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại: Tiếp tục củng cố, nâng cấp, hoàn thiện chuỗi hệ thống phân phối những dòng xe ô tô có thương hiệu, giữ vị trí số 1 tại thị trường Việt Nam. Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống phân phối xe gắn máy hàng đầu tại khu vực Tp. Hồ Chí Minh và thị trường Đồng bằng sông Cửu Long.

Củng cố hoạt động của các Dịch vụ khác như: Taxi, phụ tùng, phụ kiện, tìm kiếm và đầu tư vào các ngành dịch vụ có triển vọng khác.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản: Xây dựng thành công chuỗi hệ thống Trung tâm thương mại SAVICO, Khu phức hợp tại các Thành phố lớn như: Hà Nội, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh và Tp. Cần Thơ. Tiếp tục phát triển mạnh hệ thống Dịch vụ Bất động sản gồm: Trung tâm Thương mại, Văn phòng, Căn hộ cho thuê, Khách sạn resort và nhà ở.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính: Tập trung xây dựng định chế tài chính giúp điều hành tài chính toàn hệ thống nhằm kiểm soát tốt hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả đầu tư với mục tiêu an toàn tài chính.

3. Tiếp tục thực hiện việc liên kết ngành, lĩnh vực kinh doanh kiểm soát thị phần theo vùng thị trường thông

qua việc tiếp tục xây dựng 02 Công ty Cổ phần SAVICO tại Tp. Đà Nẵng, Cần Thơ, đồng thời nghiên cứu thành lập các Công ty cổ phần chuyên ngành kinh doanh Bất động sản, ô tô - xe gắn máy, tài chính để gia tăng hiệu quả kinh doanh.

4. Tập trung xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, trên cơ sở tập trung quy hoạch đội ngũ nhân viên trẻ, ưu tú để bồi dưỡng chuyên môn, phẩm chất đạo đức, gắn liền bồi dưỡng truyền thống và văn hóa doanh nghiệp biết cống hiến vì lợi ích của Công ty nhằm xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực kế cận. Đây là nhiệm vụ chủ yếu, thường xuyên và lâu dài để phát triển Công ty bền vững.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Song song với chiến lược phát triển kinh doanh, việc giảm thiểu tác động môi trường và tăng cường lợi ích đến cộng đồng xã hội đã được SAVICO triển khai và thực hiện trong nhiều năm qua nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Thực tế cho thấy, ô nhiễm môi trường, thiên tai, lũ lụt ở nước ta vẫn tiếp tục gia tăng, tốc độ đô thị hóa cùng với sự gia tăng dân số nhanh trong khi hạ tầng đô thị không đáp ứng kịp, khói bụi, đất đai canh tác đang bị ô nhiễm ngày một nặng nề hơn bởi chất thải công nghiệp và sinh hoạt đã khiến chất lượng môi trường sống ngày càng suy giảm nghiêm trọng. Nền mọi người cần chung tay bảo vệ môi trường giảm thiểu rủi ro, ô nhiễm môi trường nhằm mang lại hạnh phúc cho con người, công bằng cho xã hội. Muốn làm được điều này, doanh nghiệp có vai trò hết sức quan trọng.

SAVICO xác định mục tiêu phát triển doanh nghiệp bền vững gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường luôn đồng hành với hoạt động kinh doanh, là yếu tố quyết định cho sự thành công của công ty; Bắt nguồn từ sự quan tâm đến nguồn nhân lực, môi trường làm việc hòa đồng, cải tiến, nâng cao hiệu suất lao động và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng, đối tác, cổ đông, người lao động trên nền tảng văn hóa Công ty.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI XÃ HỘI

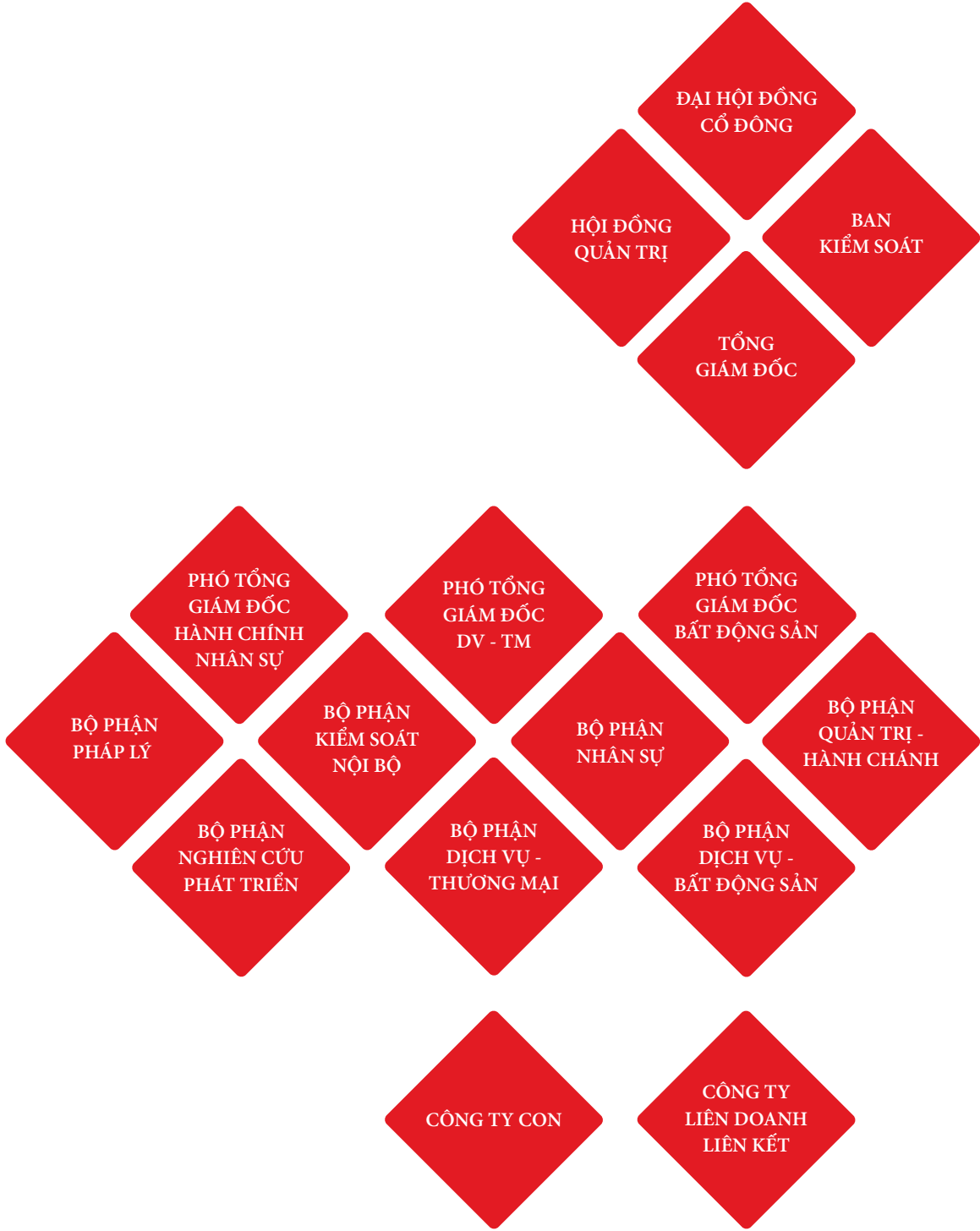
Thể hiện trách nhiệm của Doanh nghiệp, các hoạt động của SAVICO luôn hướng đến mục tiêu hỗ trợ, giúp đỡ các đối tượng gặp nhiều bất hạnh trong cuộc sống. Đặc biệt việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp đã kết nối CBNV trong toàn hệ thống cùng tham gia các chương trình tài trợ, hướng đến cộng đồng như đóng góp: Quỹ xóa đói giảm nghèo, tham gia quỹ phòng chống thiên tai bão lụt, Quỹ bảo trợ trẻ em, chăm sóc các gia đình chính sách, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng, xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương, ủng hộ Quỹ Bảo trợ bệnh nhân nghèo TPHCM thực hiện phẫu thuật mắt cho bệnh nhân mù nghèo. Đặc biệt, toàn hệ thống đã tham gia đóng góp ủng hộ nhân dân Nhật Bản bị ảnh hưởng trong đợt sóng thần vừa qua. Bên cạnh đó SAVICO quan tâm chăm sóc bồi dưỡng thế hệ tương lai như tài trợ học bổng cho sinh viên nghèo hiếu học qua chương trình SAVICO chấp cánh ước mơ, Quản trị viên tập sự...

Thông qua vai trò của tổ chức đoàn thể, Công đoàn hệ thống SAVICO đã đề cao công tác giáo dục nâng cao nhận thức, vận động CBNV tạo thói quen thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, hưởng ứng tích cực các phong trào phòng chống cháy nổ, giữ gìn an toàn lao động, tiết kiệm điện nước v.v... giữ gìn công sở văn minh sạch đẹp, giữ vệ sinh môi trường, bố trí cây xanh, xây dựng môi trường xanh tạo không gian làm việc thoải mái cho CBNV.



SAVICO ủng hộ Quỹ Bảo trợ bệnh nhân nghèo TP. HCM

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





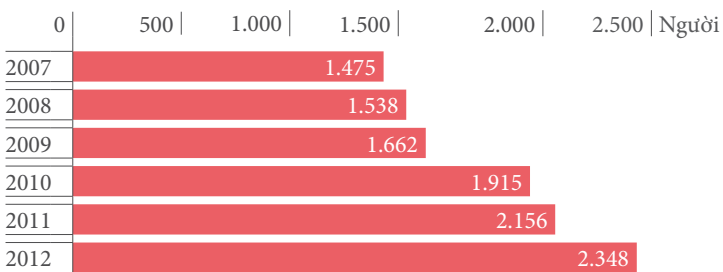
TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN
LỰC CAO CẤP CHO CHIẾN LƯỢC PHÁT
TRIỂN 2010-2015

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

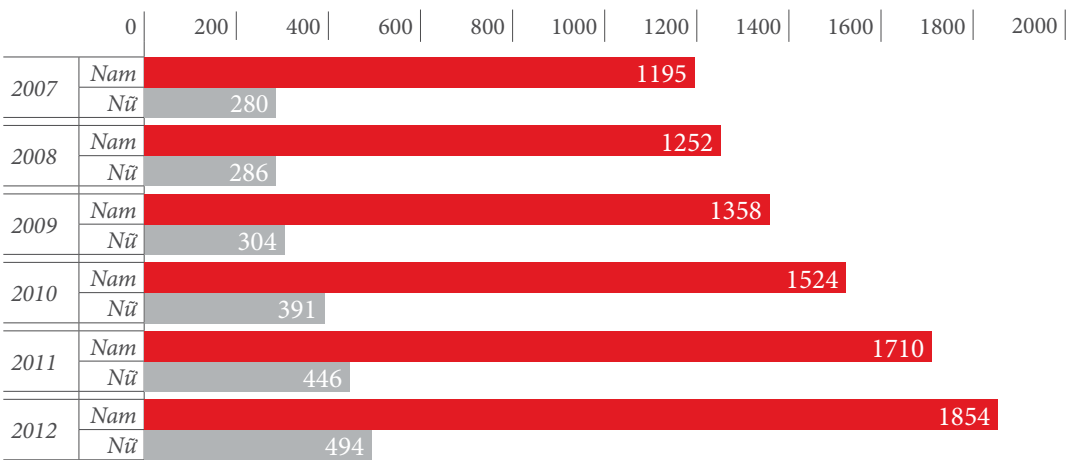
LAO ĐỘNG

Hệ thống SAVICO có tổng số 2.348 lao động, tăng 8,9 % so với năm 2011; trong đó, lao động nam chiếm 79%, lao động nữ chiếm 21%. Tuổi đời trung bình của người lao động tại hệ thống SAVICO 33 tuổi, độ tuổi dưới 35 tuổi chiếm 55 % trên tổng số lao động. Trình độ chuyên môn từ Cao đẳng trở lên chiếm 58,4% trên tổng số lao động.

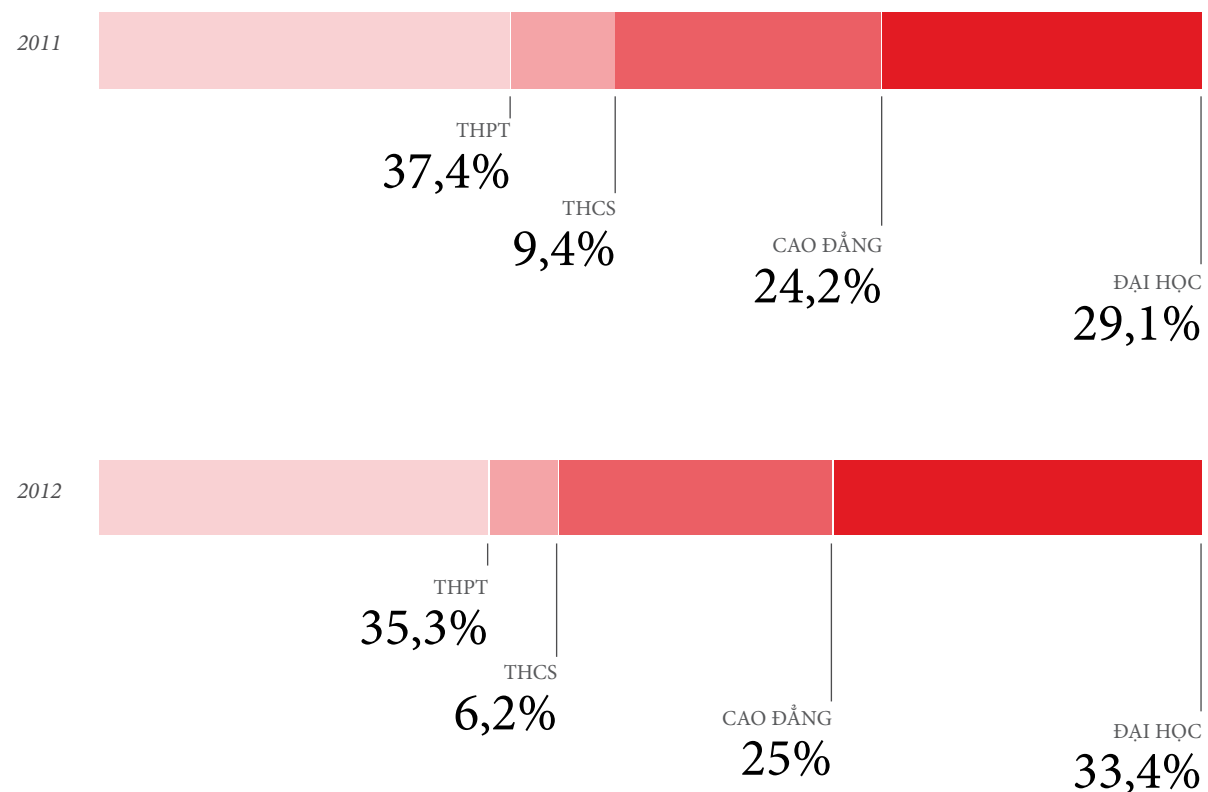
Số lượng lao động tại SAVICO từ năm 2007 - 2012



Số lượng lao động theo giới tính tại SAVICO từ năm 2007 - 2012



Tỷ lệ trình độ chuyên môn của lao động toàn hệ thống SAVICO năm 2011-2012



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Xây dựng nguồn nhân lực có khả năng đáp ứng được quá trình phát triển kinh doanh của Công ty và cả hệ thống là mục tiêu quan trọng của Công ty cổ phần SAVICO. Trong năm 2012, toàn hệ thống chú trọng phát triển nguồn nhân lực nội bộ và đội ngũ kế thừa, các đơn vị đã triển khai thực hiện công tác quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2012-2015, đến nay có 65% công ty đã cơ bản hoàn thành, 35% công ty đang thực hiện ở bước 3 của qui trình quy hoạch công tác cán bộ quản lý.

Bên cạnh việc xây dựng đội ngũ nhân lực làm việc với tinh thần tận tâm với công việc, có ý thức tự đào tạo, có khả năng kết hợp với các đồng nghiệp để tạo ra giá trị mới cho hệ thống SAVICO. Các Công ty tuyển dụng, thu hút thêm nguồn nhân lực từ bên ngoài là 238 lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu đề ra. Lao động mới bổ trí

làm việc trực tiếp kinh doanh và dịch vụ kỹ thuật chiếm tỷ lệ 81%, trong đó, ngành hàng kinh doanh ô tô chiếm tỷ lệ 70%, ngành hàng xe gắn máy chiếm tỷ lệ 18% và ngành dịch vụ thương mại khác chiếm tỷ lệ 12%; như vậy, các đơn vị thu hút lao động đúng theo mục tiêu là tập trung cho khối kinh doanh và dịch vụ để gia tăng doanh thu, giải phóng hàng tồn kho và phát triển dịch vụ.

Về đào tạo, bồi dưỡng, SAVICO cử 14 CBNV tham gia các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn; Hội đồng thẩm định quỹ chăm sóc tài năng trẻ hệ thống SAVICO đã xét duyệt đợt 2 và cử đi đào tạo thêm 06 chuyên viên trẻ có triển vọng phát triển thành Quản trị viên cao cấp. Các doanh nghiệp trong hệ thống cũng áp dụng chính sách đào tạo đa dạng cho 166 lượt lao động đã cử đi đào tạo các khóa học Giám đốc điều hành, Giám đốc kinh doanh, Giám đốc tài chính chiếm tỷ lệ 28,3% và đào tạo theo chương trình của nhà cung cấp chiếm tỷ lệ 71,7% trên tổng số CBNV được cử đi đào tạo, chủ yếu các khóa học về kỹ năng bán hàng và kỹ thuật (sửa chữa chung, đồng, sơn, cố vấn dịch vụ).

Chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi của SAVICO và các đơn vị trong hệ thống gắn liền với kết quả kinh doanh, chuyên môn và chất lượng dịch vụ của mỗi nhân viên; tình hình kinh doanh năm nay có khó khăn nhiều nhưng tiền lương của người lao động ở hầu hết các Công ty không giảm, đảm bảo thu nhập của CBNV có tính cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành nghề. Toàn hệ thống SAVICO cam kết thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể như Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, trang bị đồng phục và bảo hộ lao động, hỗ trợ ăn trưa, tham quan du lịch, khám sức khỏe định, bảo hiểm tai nạn con người, trợ cấp ốm đau, quà tặng cưới hỏi... thực hiện chế độ khen thưởng nhân dịp các ngày lễ, tết Nguyên đán, lễ 30/4, 2/9, kỷ niệm ngày thành lập công ty tùy theo kết quả kinh doanh.

Các đơn vị trong hệ thống cũng tích cực thay đổi cơ chế quản lý thúc đẩy hoạt động kinh doanh và xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó đội ngũ nhân viên, quan tâm xây dựng môi trường làm việc và tạo điều kiện cho nhân viên thể hiện giá trị đóng góp cho sự nghiệp phát triển của đơn vị. Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, ngày hội gia đình, sinh hoạt câu lạc bộ ngành nghề chuyên môn, ...luôn được duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động, tạo điều kiện cho toàn thể nhân viên trong hệ thống SAVICO gặp gỡ giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Công ty cổ phần SAVICO (01/09/1982 – 01/09/2012), tập thể CBNV công ty được Thủ tướng chính phủ trao tặng Bằng khen do có thành tích hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh nhiều năm liền; 03 tập thể và 02 cá nhân cán bộ quản lý cũng được trao tặng Bằng khen của Thủ tướng chính phủ. Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty tổ chức khen thưởng và tôn vinh 03 cá nhân đạt danh hiệu “Doanh nhân Sài Gòn tiêu biểu” và 24 cá nhân đạt danh hiệu “Doanh nhân SAVICO tiêu biểu” do có thành tích xuất sắc hoàn thành kế hoạch năm.

Năm 2013, SAVICO và các đơn vị trong hệ thống tiếp tục tập trung xây dựng cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý một cách tinh gọn và hiệu quả, đầu tư vào công tác phát triển nguồn nhân lực giỏi, đào tạo đội ngũ Quản trị viên cấp cao và cấp trung từ nguồn tại chỗ, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và các đơn vị trong những năm tiếp theo.

THÔNG TIN

◆ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGUYỄN VINH THỌ

Chức vụ:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 01/01/1961
Nơi sinh: Gia Lai
Địa chỉ thường trú: 17 Trần Nhật Duật, Q. 1, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần SAVICO Hà Nội
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dana ...

Ông LƯƠNG QUANG HIỂN

Chức vụ:

- Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 25/11/1967
Nơi sinh: Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú : 93 đường 37, P. Tân Quy, Q. 7, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Giám Đốc điều hành Công ty cổ phần Hùng Vương
- Thành viên Ban Đại Diện Quỹ đầu tư cân bằng Prudential (PRUBF1)
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Tân Bình

Ông TÊ TRÍ DŨNG

Chức vụ:

- Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ngày sinh: 14/08/1981
Nơi sinh: Tp. HCM
Địa chỉ thường trú: 56 Đinh Công Tráng, P. Tân Định, Q. 1, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Bến Thành
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Bưu chính viễn thông Sài Gòn
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Du Lịch Sài Gòn Mũi Né ...

Ông VÔ HIỂN

Chức vụ:

- Thành viên Hội Đồng Quản Trị
- Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 20/06/1956
Nơi sinh: Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú :159 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Q. 1, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn:

- Cao đẳng

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV tổng hợp SAVICO MeKong

Ông TẠ PHƯỚC ĐẠT

Chức vụ:

- Thành viên Hội Đồng Quản Trị
- Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 15/06/1969
Nơi sinh: Tp. HCM
Địa chỉ thường trú: 115/110A Lê Văn Sỹ, P. 13, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kế Toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành - SAVICO
- Thành viên HĐQT Công ty CP Việt Thái
- Thành viên HĐQT Công ty Du Lịch Bến Thành Long Hải ...

Ông NGUYỄN BÌNH MINH

Chức vụ:

- Thành viên Hội Đồng Quản Trị
- Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 13/02/1972
Nơi sinh : Hà Nội
Địa chỉ thường trú: 150/1 Ung Văn Khiêm, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Ô tô Toyota Cần Thơ
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần SAVICO Hà Nội
- Thành viên HĐQT Công ty Liên Doanh SAVICO - Vinaland ...

Ông LÊ HÙNG

Chức vụ:

- Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ngày sinh: 24/08/1974
Nơi sinh: Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú: Xã Nghĩa Đông, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh

◆ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông NGUYỄN VINH THỌ

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Ông VÔ HIỂN

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Ông NGUYỄN BÌNH MINH

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Ông TẠ PHƯỚC ĐẠT

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Ông MAI VIỆT HÀ

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 18/02/1973
Nơi sinh: Hưng Yên
Địa chỉ thường trú : Lô A 4-6 Cc Khánh Hội, 360C Bến Vân Đồn, P. 1, Q. 4, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Sài Gòn Ôtô
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Ôtô Sông Hàn ...

Ông PHAN TUẤN DŨNG

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 21/08/1969
Nơi sinh: Quảng Nam
Địa chỉ thường trú: 10 Nguyễn Đức Cảnh, P. Thuận Phước, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Thành viên HĐQT Công ty CP Dana
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Du Lịch Bến Thành Non Nước
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Ô tô Sông Hàn

◆ BAN KIỂM SOÁT

Ông LÊ XUÂN ĐỨC

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 10/08/1953
Nơi sinh: Thanh Hoá
Địa chỉ thường trú: 471 Phan Văn Trị, P.7, Q. 5, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài Chính - Kế Toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Phó Ban Kiểm Soát Tổng Công Ty Bến Thành

Bà NGUYỄN PHƯƠNG LOAN

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 06/11/1962
Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú: 518/8/1 Lê Văn Sỹ, Phường 11, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Thương Mại ngành Kế Toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác: Không

Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 31/03/1978
Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú: 327 Lô C, Cc Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q. 3, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Trưởng BKS Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn
- Trưởng BKS Công ty cổ phần SAVICO Hà Nội
- Thành viên BKS Công ty TNHH Toyota Cần Thơ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Vinh Thọ
Chủ tịch HĐQT



Ông Võ Hiến
Thành viên HĐQT



Ông Nguyễn Bình Minh
Thành viên HĐQT



Ông Tế Trí Dũng
Thành viên HĐQT



Ông Lê Hùng
Thành viên HĐQT



Ông Tạ Phước Đạt
Thành viên HĐQT



Ông Lương Quang Hiến
Thành viên HĐQT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Võ Hiến
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Bình Minh
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Phan Tuấn Dũng
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám Đốc



Ông Tạ Phước Đạt
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Mai Việt Hà
Phó Tổng Giám Đốc

BAN KIỂM SOÁT



Ông Lê Xuân Đức
Trưởng BKS



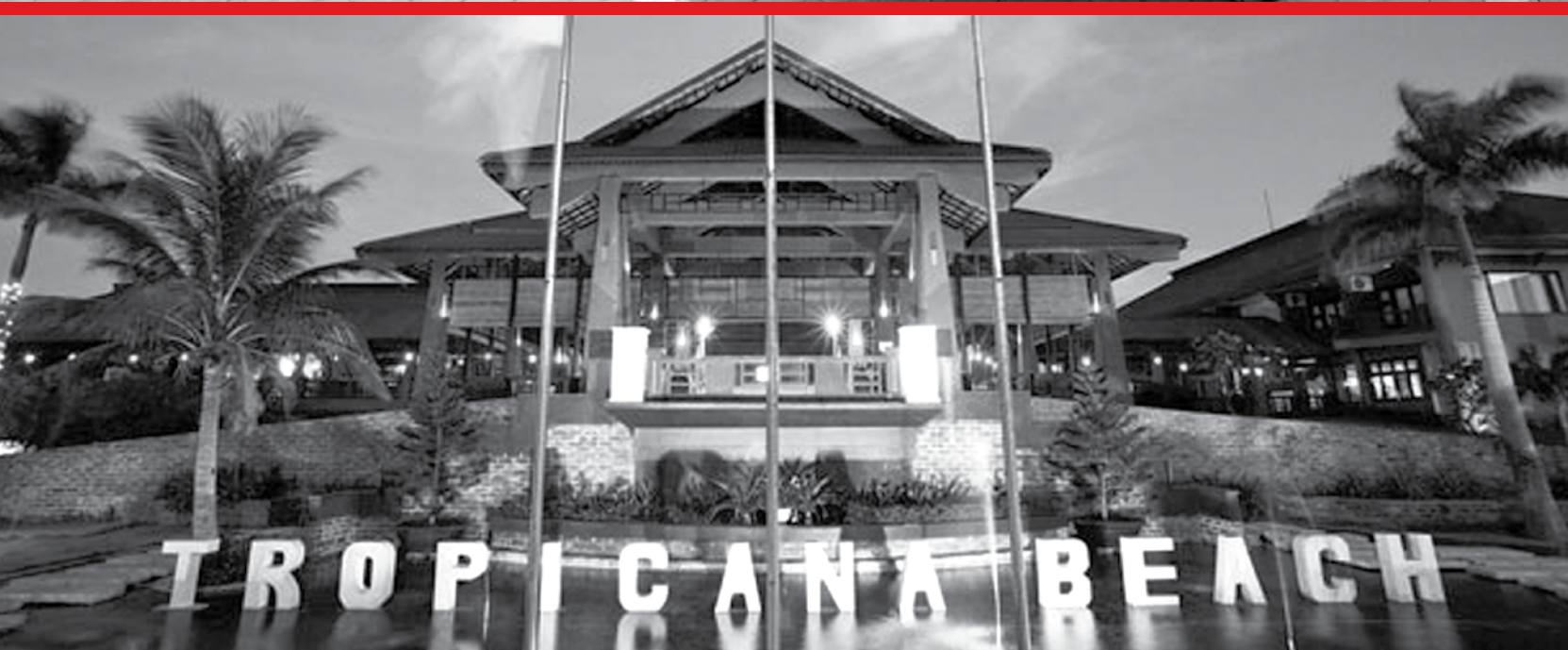
Bà Nguyễn Phương Loan
Thành viên BKS



Ông Nguyễn Công Bình
Thành viên BKS



SAVICO đầu tư hoạt động trên ba lĩnh vực: Dịch vụ - Thương mại, Dịch vụ Bất động sản & Dịch vụ Tài chính



CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SAVICO

LĨNH VỰC DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI

Bao gồm hệ thống Dịch vụ - Thương mại ô tô, hệ thống Dịch vụ - Thương mại xe gắn máy và hệ thống Dịch vụ - Thương mại khác.

NGÀNH ÔTÔ

Mục tiêu chiến lược 2010 - 2015

- Giữ vững vị thế là nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam, phần đầu đến 2015, lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống tối thiểu chiếm 10% thị phần VAMA.
- Phát triển lĩnh vực dịch vụ ô tô, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích cho khách hàng; Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ từ 20% - 30%/năm.
- Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo chỉ số ROE đạt bình quân 15%/năm.

Đánh giá thực hiện chiến lược giai đoạn 2010 - 2012

Lượng xe tiêu thụ - Thị phần

Lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống ô tô SAVICO tăng trưởng bình quân 9%/năm trong giai đoạn 2010-2011. Năm 2012, trước tình hình kinh tế khó khăn, toàn thị trường ô tô sụt giảm mạnh gần 33% so với năm 2011, lượng xe tiêu thụ của hệ thống ô tô SAVICO cũng chịu

ảnh hưởng lớn, nhưng mức độ giảm ít hơn, chỉ 22%.

Tuy nhiên, về thị phần của hệ thống ô tô SAVICO trong Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA) tăng trưởng ổn định qua các năm, từ 8,5% trong năm 2010 lên 9,8% trong năm 2012.

Hệ thống SAVICO vẫn khẳng định vị thế là nhà phân phối ô tô số 1 Việt Nam

Đồng thời hệ thống ô tô SAVICO luôn giữ vững thị phần dẫn đầu đối với từng nhà sản xuất liên tục trong các năm qua, hiện tại chiếm : 21,5% thị phần Toyota Việt Nam; 31,8% thị phần Ford Việt Nam; 6,8% thị phần GM Việt Nam; 15,8% thị phần Suzuki Việt Nam; 21,8% thị phần SYM ô tô VN.

Doanh thu - Lợi nhuận trước thuế

Doanh thu của toàn hệ thống ô tô SAVICO tăng trưởng bình quân gần 20%/năm trong giai đoạn 2010-2011, và chỉ bị ảnh hưởng khi sức mua của thị trường giảm sút trong năm 2012.

Với mục tiêu chiến lược, tập trung phát triển hoạt động dịch vụ làm nền tảng nâng cao hiệu quả đầu tư, toàn hệ

thống ô tô SAVICO đã duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ ổn định ở mức cao, bình quân 50%/năm. Lợi nhuận trước thuế toàn hệ thống ô tô SAVICO tăng trưởng thiếu ổn định trong giai đoạn 2010-2012, nguyên nhân do các chính sách Nhà nước liên quan đến lĩnh vực ô tô thường xuyên thay đổi, ảnh hưởng đến sức mua của thị trường.

NGÀNH XE GẮN MÁY

Mục tiêu chiến lược 2010 - 2015

- Nâng cao vị thế cạnh tranh, phát triển hệ thống đại lý với các thương hiệu lớn như: Yamaha, Suzuki,...
- Phát triển lĩnh vực dịch vụ xe gắn máy, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích cho khách hàng; Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ từ 30% - 35%/năm.
- Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo chỉ số ROE ngành xe máy đạt bình quân 20%/năm.

Đánh giá thực hiện chiến lược giai đoạn 2010 - 2012:

Giai đoạn 2010-2012, toàn hệ thống xe gắn máy SAVICO đã được tái cấu trúc thành các công ty con kinh doanh chuyên ngành theo từng thương hiệu; Đã phát triển thêm 04 đại lý 3S Yamaha, 02 tại Tp.HCM và 02 tại Cần Thơ, Vĩnh Long, thêm 02 đại lý 3S Suzuki tại An Giang và Cần Thơ.

Việc phát triển mạng lưới kinh doanh giúp nâng cao vị thế cạnh tranh và duy trì tốc độ tăng trưởng về lượng xe máy tiêu thụ, bình quân tăng 17%/năm.

Toàn hệ thống xe gắn máy SAVICO tập trung phát

triển hoạt động dịch vụ, giúp duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ ổn định, bình quân 44%/năm.

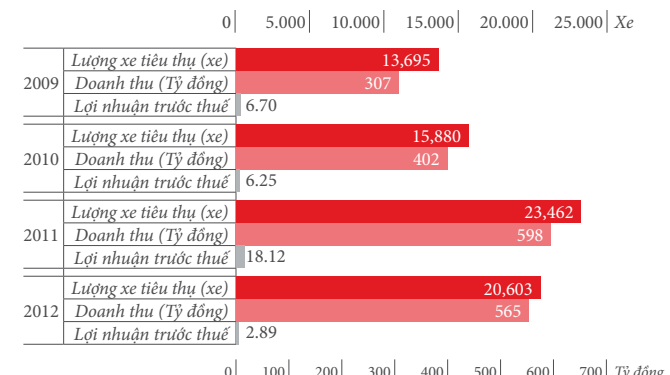
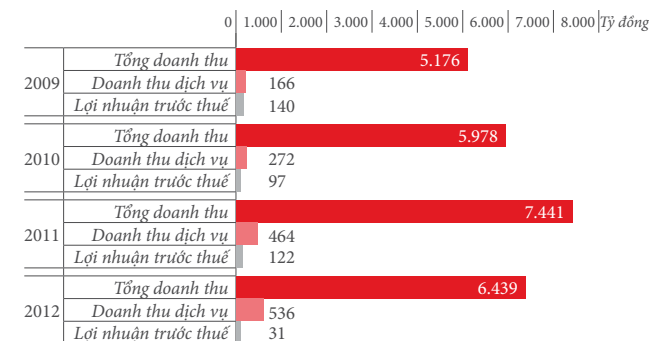
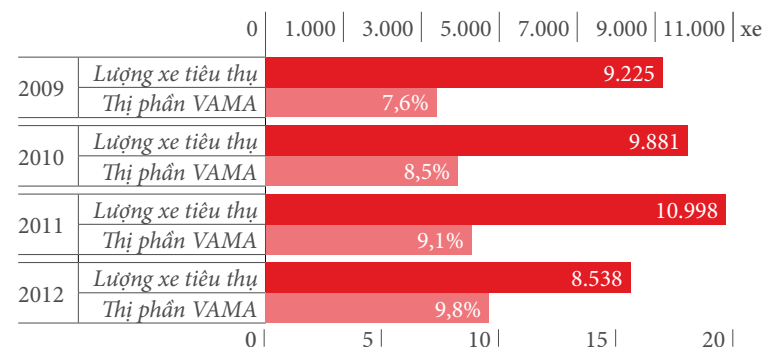
Tương tự lĩnh vực ô tô, lợi nhuận trước thuế toàn hệ thống xe gắn máy SAVICO tăng trưởng thiếu ổn định trong giai đoạn 2010-2012.

NGÀNH DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI KHÁC

Giai đoạn 2010-2012, Công ty đã tập trung sắp xếp, rà soát hiệu quả đầu tư tại các đơn vị trong hệ thống Dịch vụ - Thương mại khác, cụ thể:

Củng cố hoạt động của Công ty ComfortDelGro SAVICO Taxi, đầu tư đổi mới đầu xe, gia tăng hiệu quả kinh doanh, hình ảnh thương hiệu và chất lượng dịch vụ; Năm 2011 hiệu quả đã bù đắp được phần lỗ lũy kế các năm trước; Năm 2012 tuy gặp nhiều khó khăn nhưng đơn vị vẫn hoạt động có hiệu quả.

Trung tâm thương mại SAVICO MegaMall (SMM): Trước tình hình kinh tế khó khăn, sức mua giảm sút, ảnh hưởng đến hoạt động cho thuê mặt bằng kinh doanh trong năm 2012, Ban Quản lý SMM đã nhanh chóng đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn: kiểm soát chi phí hoạt động, giảm chi phí sử dụng vốn, đưa ra các chính sách hỗ trợ khách hàng, bố trí hợp lý các mặt bằng kinh doanh, nên đã duy trì được tỷ lệ khai thác trên 87%.





**1 SAVICO PLAZA 115 - 117
HỒ TÙNG MẬU, Q. 1**

- DT khu vực: 3.023 m².
- 22 tầng cao và 03 tầng hầm.
- Chức năng thương mại, khách sạn và căn hộ.
- Tổng vốn đầu tư 60 triệu USD.
- SAVICO liên doanh với VinaLand Investment Limited theo tỷ lệ 50,5% và 49,5%.
- Hiện dự án đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng và đang trong giai đoạn thiết kế cơ sở.

**2 SAVICO PLAZA
104 PHỞ QUANG, Q. TÂN BÌNH**

- DT khu vực: 9.028 m².
- 02 tầng hầm và 13 tầng cao.
- Chức năng gồm Căn hộ dịch vụ, Trung tâm Thương mại, Văn phòng cho thuê và Khách sạn.

3 TTTM SAVICO MEGAMALL

- DT khu vực: 46.400 m². Dự án được chia thành 02 khu: Khu A với chức năng Đại Siêu thị, Trung tâm Thương mại, Khu giải trí, Khu B với chức năng kinh doanh ô tô và Văn phòng cho thuê; tổng vốn đầu tư 35 triệu USD.
- Tổng diện tích sàn kinh doanh với 63.000 m² gồm 01 tầng hầm và 03 tầng cao.
- SAVICO MegaMall hoàn thành và chính thức đưa vào khai thác kinh doanh cuối tháng 12/2011.
- Công suất khai thác đạt 85% vào thời điểm khai trương quy tụ các thương hiệu nổi tiếng: Big C, Giovanni, Bata, Adidas, Ninomaxx, Lotteria, KFC, Nhà hàng hải sản Seafood One, Toyota Long Biên, điện máy Trần Anh.

4 DỰ ÁN NAM CẨM LỆ

- Diện tích khu vực: 21.822 m²
- Chức năng: Trung tâm thương mại, căn hộ cao tầng, showroom ô tô, nhà liên kế.
 - Cơ sở hạ tầng đã được hoàn chỉnh và đã triển khai bán nền nhà liên kế.

SAVICO TRADING CENTER

1 TTTM SAVICO ĐÀ NẴNG

Trung tâm với quy mô gồm 01 trệt, 01 lửng và 03 tầng cao, tổng diện tích sử dụng 4.739 m², đã đưa vào khai thác kinh doanh ổn định từ tháng 01/2007.

2 TTTM SAVICO CẦN THƠ

Trung tâm với tổng diện tích sử dụng 2.400 m², hoàn thành và đưa vào khai thác kinh doanh từ tháng 01/2008.

SAVICO OFFICE BUILDING

3 CAO ỐC VĂN PHÒNG HMTc - SAVICO 91 PASTEUR, Q. 1

Quy mô gồm 02 hầm và 07 tầng cao.
Diện tích sàn xây dựng 8.030 m², hoàn tất và đưa vào sử dụng từ tháng 09/2010. Tỷ lệ khai thác đạt 100%.
Dự án hợp tác giữa Công ty cổ phần SAVICO và Công ty TNHH MTV Quản Lý & Kinh Doanh Nhà Thành Phố theo tỉ lệ 51% & 49%.

4 TÒA NHÀ VĂN PHÒNG 95B - 97- 99 TRẦN HƯNG ĐẠO, Q. 1

Quy mô gồm 01 trệt, 01 lửng, 04 tầng cao.
Toà nhà được đưa vào sử dụng từ tháng 01/2006.

5 TÒA NHÀ VĂN PHÒNG 555 TRẦN HƯNG ĐẠO, QUẬN 1

Quy mô gồm 01 trệt, 01 lửng và 05 tầng cao.
Toà nhà được đưa vào sử dụng từ tháng 06/2008.

6 TÒA NHÀ VĂN PHÒNG 35 ĐỒNG KHỞI

Quy mô gồm 01 hầm, 01 trệt và 06 tầng cao.
Toà nhà được đưa vào sử dụng từ cuối tháng 3/2009.

7 66B-68 NAM KỲ KHỞI NGHĨA

DT khu vực: 582,2 m².
02 tầng hầm, 14 tầng cao,
Chức năng: căn hộ dịch vụ và văn phòng cho thuê;
với tổng vốn đầu tư dự kiến 10 triệu USD .



8 CAO ỐC KHAHOMEX SAVICO 56 BẾN VÂN ĐỒN, Q. 4

DT khu vực: 2.900 m², với 02 hầm, 01 trệt, 01 lửng và 24 tầng cao, tổng diện tích sàn xây dựng 35.000 m². Dự án hợp tác giữa SAVICO & Cty CP XNK Khánh Hội (Khahomex) theo tỉ lệ 49% và 51%. Hiện tại, dự án đã hoàn tất xong phần thô của 02 tầng hầm.

9 CAO ỐC VĂN PHÒNG 277 - 279 LÝ THỰ TRỌNG, Q. 1

DT khu vực: 450 m², với 02 hầm, 01 trệt, 01 lửng và 09 tầng cao, tổng diện tích sàn xây dựng 4.000 m². Đã hoàn tất thiết kế kỹ thuật thi công. Đang triển khai thi công móng hầm, dự kiến hoàn tất và đưa vào sử dụng cuối năm 2013.

1 QUỐC LỘ 13, THỦ ĐỨC

DT khu vực 18.247 m². Chức năng: chung cư cao tầng (17 tầng) kết hợp trung tâm thương mại. Đang tìm đối tác đầu tư.

2 KDC HIỆP BÌNH PHƯỚC - TAM BÌNH, THỦ ĐỨC

DT khu vực: 55.340 m², gồm 1.603 căn hộ & nhà liên kế kết hợp trung tâm thương mại với tổng diện tích sàn xây dựng 170.000 m². Đã được phê duyệt Qui hoạch 1/500. Hạ tầng kỹ thuật khu nhà liên kế đã hoàn tất và bàn giao mặt bằng để xây dựng nhà trong tháng 04/2013. Khối chung cư cao tầng hợp tác triển khai trong Q.3/2013.



KHU NGHỈ DƯỠNG MERCURE SON TRÀ.

DT khu vực: 57.650 m². Quy mô gồm 22 căn biệt thự bãi biển cao cấp, khách sạn cao cấp chuẩn 4 sao với 120 phòng, thương hiệu Mercure cùng các tiện nghi giải trí khác spa, thể thao bãi biển,... Qui hoạch 1/500 đã được phê duyệt.

Accor (Pháp) là nhà điều hành và quản lý khai thác dự án với thương hiệu Mercure. Đã khởi công xây dựng hạ tầng công trình trong tháng 08/2010. Thi công hạ tầng tổng thể đạt 50% và hoàn thiện một số villa mẫu.



LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Hoạt động của lĩnh vực Dịch vụ Tài chính là tập trung vào việc quản lý hiệu quả đầu tư vốn và dòng tiền trong hoạt động đầu tư của Công ty, thực hiện xây dựng cấu trúc tài chính của Công ty theo hướng an toàn để tiến đến phát triển bền vững.

Trong quá trình đầu tư, lĩnh vực sẽ tính toán đến việc thực hiện hoạt động M&A, coi đầu tư tài chính là bước đệm cho quá trình mở rộng hệ thống Thương mại - Dịch vụ và Dịch vụ Bất động sản. Song song đó, lĩnh vực sẽ tính toán kỹ việc tham gia góp vốn thành lập các định chế tài chính như Công ty Tài chính để hỗ trợ hoạt động của hệ thống phân phối ô tô - xe gắn máy, Quỹ đầu tư Bất động sản để hỗ trợ phát triển hệ thống Dịch vụ Bất động sản. Ngoài ra, không chỉ dừng lại ở mục tiêu đơn thuần là hỗ trợ hoạt động của các hệ thống dịch vụ thuộc SAVICO, việc tham gia thành lập các định chế tài chính còn hướng đến mục tiêu lâu dài là giúp điều tiết, luân chuyển thông suốt và kịp thời tài chính trong toàn hệ thống SAVICO.

Bên cạnh đó, SAVICO cũng tham gia đầu tư vào các ngành nghề phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty nhằm khai thác các cơ hội đầu tư, gia tăng hiệu quả kinh doanh.

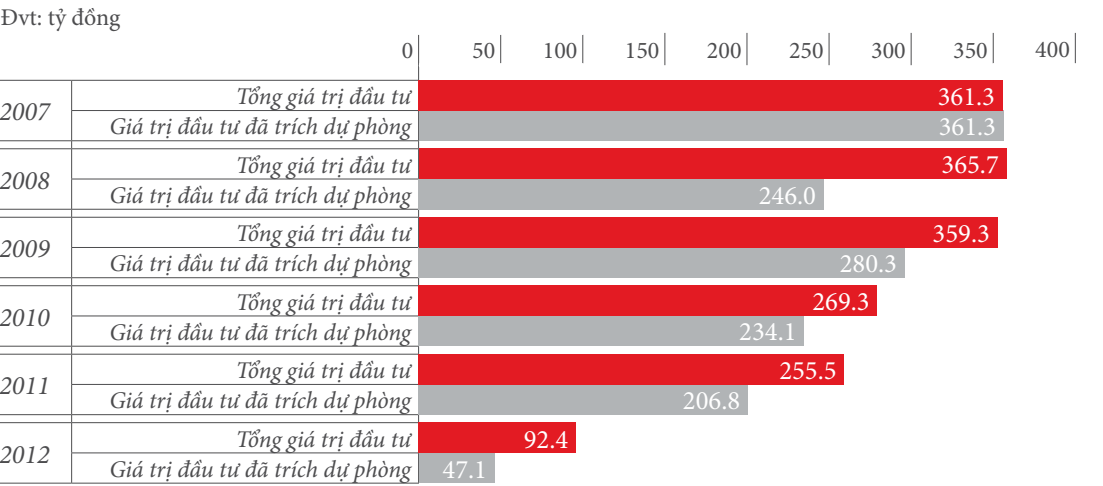
Trên cơ sở đánh giá điều kiện TTCK 2012 tiếp tục không thuận lợi trong khi nền kinh tế còn tiềm ẩn nhiều bất ổn, tình hình hệ thống tài chính ngân hàng có khả năng có nhiều biến động không thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, lĩnh vực Dịch vụ Tài chính tiếp tục thực hiện chủ trương tạm ngưng đầu tư mới để tập trung cho hoạt động tái cơ cấu toàn diện danh mục đầu tư, cắt giảm chi phí lãi vay, tập trung nguồn vốn cho hoạt động tái cơ cấu Tài sản/ Nguồn vốn của Công ty trong năm 2012.

Trong năm 2012, vốn đầu tư của lĩnh vực DVTC được cắt giảm từ 255,47 tỷ đồng tại thời điểm đầu năm xuống còn 92,4 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2012, tương đương với tỷ lệ cắt giảm giảm 63,8%; số đơn vị tham gia đầu tư giảm từ 15 xuống còn 9 đơn vị. Điển hình, Công ty đã thực hiện thoái vốn toàn bộ tại Ngân hàng TMCP Phương Đông với tổng giá trị vốn đầu tư cắt giảm là 126,67 tỷ đồng, thu về 133,52 tỷ đồng.

Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc trích lập dự phòng cho toàn bộ danh mục với tổng giá trị 45,27 tỷ đồng, tổng giá trị tài sản của danh mục đầu tư sau khi đã trích lập dự phòng là 47,13 tỷ đồng, chiếm 3,38% tổng giá trị tài sản riêng và 1,73% tổng giá trị tài sản hợp nhất của toàn Công ty tính đến 31/12/2012.

Năm 2013 sẽ là năm bản lề để lĩnh vực hoàn thành kế hoạch tái cơ cấu danh mục đầu tư, chuyển hướng mạnh sang thực hiện đầu tư vào các lĩnh vực ngành nghề mà Công ty có thế mạnh.

Danh mục đầu tư lĩnh vực Dịch vụ Tài chính được tích cực tái cơ cấu toàn diện trong giai đoạn 2007 - 2012



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

Năm 2012, nhằm chủ động ứng phó với biến động của thị trường, Công ty đã tập trung triển khai nhiều giải pháp quản trị quyết liệt và linh hoạt, thành lập các tổ công tác hỗ trợ, rà soát hoạt động tại đơn vị; Chủ động cắt giảm tài sản, danh mục đầu tư không hiệu quả và tạm thời không đầu tư mới, chờ cơ hội khi thị trường hồi phục. Đồng thời, thường xuyên đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, từ đó điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế và giảm áp lực doanh số cho các đơn vị thành viên. Tăng cường kiểm soát nguồn vốn, dòng tiền theo tuần,

Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận theo báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012	TH SO VỚI KH (%)	TH SO VỚI 2011 (%)
Doanh thu BH & DV	Trđ	4.500.000	5.433.311	121	88
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	60.000	61.496	102	52
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	45.000	46.761	104	57
Thu nhập CĐ Công ty mẹ	Trđ	41.250	44.845	109	101

VỀ LĨNH VỰC DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI

Năm 2012 được xem là cực kỳ khó khăn cho hệ thống Dịch vụ - Thương mại SAVICO, khi các chính sách vĩ mô thay đổi bất ngờ: Phí trước bạ tăng lên 20% tại Hà Nội, 15% tại Tp.HCM và phí cấp biển số ô tô tăng đã làm lượng khách hàng mua xe giảm mạnh. Bên cạnh đó tình hình kinh tế khó khăn, việc cắt giảm các khoản chi tiêu, đầu tư, cá nhân đã khiến cho thị trường ô tô, xe máy bị giảm mạnh.

1. Ngành hàng ô tô:

Ngành hàng ô tô: hàng loạt các chính sách, chương trình khuyến mãi được nhà sản xuất thực hiện nhằm kích cầu tiêu dùng nhưng hiệu quả không đáng kể...

tháng, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Cụ thể, kết quả đạt được như sau:

- Doanh thu toàn hệ thống đạt 6.992 tỷ đồng, bằng 86% so với cùng kỳ năm 2011;
- Lợi nhuận trước thuế toàn hệ thống đạt 78,1 tỷ đồng, bằng 49% so với cùng kỳ. Trong đó hiệu quả từng lĩnh vực đã tính phí phân bổ chung như sau: lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại đạt 7,9 tỷ đồng, lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản đạt 89,8 tỷ đồng, lĩnh vực Dịch vụ Tài chính lỗ 19,6 tỷ đồng...

Lượng xe tiêu thụ - doanh thu bán hàng - hoạt động dịch vụ

Lượng xe các đơn vị trong toàn hệ thống SAVICO tiêu thụ được 8.538 xe, đạt 108% kế hoạch, giảm 22% so với năm 2011, trong khi toàn thị trường giảm 33% so với cùng kỳ.

Thị phần của toàn hệ thống SAVICO, tiếp tục giữ vững vị trí nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam, chiếm 9,8% thị phần VAMA tăng 0,7 điểm % so với năm 2011. Việc giữ và tăng thị phần là do kết quả của chiến lược phát triển hệ thống mạng lưới kinh doanh của SAVICO trong các năm trước cụ thể là sự đóng góp vào sản lượng chung của Toyota Long Biên và sự gia tăng đặc biệt của các đơn vị Ford lên 31,8% thị phần của nhà sản xuất so với mức 26,7% năm 2011.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ toàn hệ thống đạt 6.439 tỷ đồng, giảm 13% so với năm 2011. Nguyên nhân chủ yếu là do giảm sản lượng bán hàng. Tuy nhiên, điểm sáng đáng chú ý là hoạt động dịch vụ, phụ tùng phụ kiện tiếp tục phát triển nhanh và tăng trưởng liên tục theo đúng mục tiêu mà Công ty hướng tới; Doanh thu đạt 536 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ 2011; Đây cũng là cơ sở đảm bảo lợi nhuận chung của hầu hết các đơn vị kinh doanh ô tô của SAVICO trong năm 2012 khi mà đa số hoạt động bán hàng đều không có hiệu quả do chi phí tài chính và bán hàng tăng cao.

Lợi nhuận trước thuế (chưa tính phí phân bổ):

Việc sụt giảm mạnh về lượng xe tiêu thụ và chi phí tăng cao đã khiến hầu hết các đơn vị không đạt mục tiêu kế hoạch đề ra; Tuy nhiên, từ định hướng chiến lược ngay từ sau quý 1 là tập trung quản trị hàng tồn kho, tiết giảm chi phí và gia tăng hiệu quả dịch vụ cùng với việc kịp thời dự báo và nắm bắt được cơ hội kinh doanh quý 4 nên hiệu quả của ngành ô tô đã có những bước thay đổi rất lớn, lợi nhuận trước thuế hợp cộng từ 2 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm đã tăng lên 29,4 tỷ đồng trong quý 4, lũy kế lợi nhuận cả năm đạt 31,4 tỷ đồng.

Phát triển mạng lưới:

Công tác phát triển mạng lưới kinh doanh xe ô tô được thực hiện theo chiến lược thận trọng và chủ động kéo dài tiến độ một số dự án sang năm 2013 nhằm giảm thiểu những rủi ro cho hệ thống.

2. Ngành hàng xe gắn máy:

Ngành hàng xe gắn máy: tuy nhiều mẫu xe mới được các hãng đưa ra nhằm kích thích thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh nhưng hầu như không nhận được nhiều sự quan tâm từ người tiêu dùng. Thậm chí, mùa cao điểm quý 4 mà sức tiêu thụ vẫn rất yếu, tình hình cũng không thuận lợi hơn khi rất nhiều dòng xe được các đại lý chấp nhận bán lỗ để thu hồi vốn.

Lượng xe tiêu thụ - doanh thu bán hàng - hoạt động dịch vụ

Toàn hệ thống SAVICO tiêu thụ được 20.603 xe, đạt 90% kế hoạch, giảm 12% so với năm 2011. Lượng xe bán của hầu hết các nhãn hiệu đều giảm, SYM có mức giảm mạnh nhất khi giảm tới 52% so với cùng kỳ,

Suzuki giảm 13%; Duy nhất chỉ có nhãn hiệu Yamaha tăng 14% do trong năm nay có sự góp mặt của 2 đại lý mới là Yamaha tại Vĩnh Long và Yamaha Phương Nam tại Quận 5, Tp. HCM.

Về doanh thu bán hàng và dịch vụ, toàn hệ thống SAVICO đạt 565 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch và giảm 06% so với cùng kỳ năm 2011. Nguyên nhân chủ yếu là do sự sụt giảm về sản lượng.

Doanh thu dịch vụ, phụ tùng, phụ kiện, toàn hệ thống SAVICO đạt 81 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận trước thuế (chưa tính phí phân bổ):

Toàn hệ thống thực hiện được 2,9 tỷ đồng, đạt 45% kế hoạch và chỉ bằng 16% so với cùng kỳ, mức giảm mạnh nhất trong vòng 3 năm qua. Hiệu quả các đơn vị có xu hướng suy giảm đều theo từng quý và chỉ hồi phục nhẹ vào thời điểm cuối năm.

Nguyên nhân chủ yếu khiến cho lợi nhuận ngành xe gắn máy giảm mạnh là do:

Về khách quan: thị trường diễn biến theo chiều hướng xấu, các đại lý giảm giá bán, tăng cường khuyến mãi nhằm tăng sức cạnh tranh khiến cho lợi nhuận gộp trên từng đầu xe giảm mạnh, bên cạnh đó, các khoản chi phí tăng cao đã dẫn tới lợi nhuận trước thuế của hầu hết các đơn vị giảm rất lớn.

Về chủ quan: Do diễn biến thị trường thay đổi quá nhanh nên chưa dự báo, nhận định đúng tình hình thị trường kịp thời để có các giải pháp ứng phó dẫn đến tình trạng: tổng lượng xe tiêu thụ của các đơn vị giảm 12%, nhưng tổng chi phí lại tăng gần 10%, với chi phí tài chính tăng 24%, chi phí bán hàng tăng 8%, chi phí quản lý tăng 6% so với cùng kỳ.

Phát triển mạng lưới:

Cửa hàng 3S Yamaha Vĩnh Long (Yamaha Sài Gòn 3) đi vào hoạt động chính thức từ tháng 6/2012, đã có những bước khởi đầu rất thuận lợi, góp phần làm tăng sản lượng và hiệu quả chung của toàn ngành.

Đại lý 3S Yamaha Phương Nam 2 tại 7-9-11-13 Hải Thượng Lân Ông, Quận 5, Tp. HCM đã được đưa vào hoạt động từ tháng 11/2012.

Tiến hành nâng cấp, sửa chữa và đưa vào hoạt động Cửa hàng xe máy tổng hợp 2S Ô Môn – Cần Thơ thành đại lý 3S Suzuki vào tháng 5/2012.

3. Ngành hàng Dịch vụ khác:

Ngành hàng taxi: Công ty đã tiến hành củng cố các hoạt động kinh doanh và chú trọng đến hoạt động kinh doanh xe khoán, tổng doanh thu xe đạt 28,7 tỷ đồng, tương đương với cùng kỳ năm 2011. Lợi nhuận trước thuế đạt 3,6 tỷ đồng.

Trung tâm thương mại SAVICO MegaMall (SMM): sức tiêu thụ hàng hóa chậm khiến cho các khách hàng e ngại trong việc mở rộng hoạt động, thậm chí, một số khách hàng hiện tại chậm thanh toán, trả mặt bằng khiến cho tình hình kinh doanh tại SMM đối mặt với rất nhiều thách thức. Ban Quản lý SMM đã nhanh chóng đưa ra các giải pháp : kiểm soát chi phí hoạt động, giảm chi phí sử dụng vốn, đưa ra các chính sách hỗ trợ khách hàng, tổ chức bố trí lại các mặt bằng kinh doanh một cách hợp lý, duy trì được tỷ lệ khai thác 87% và giảm thiểu số lỗ mục tiêu.

VỀ LĨNH VỰC DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Trong 2012 giá bán và giá cho thuê bất động sản tiếp tục giảm thấp, tỷ lệ căn hộ tồn kho gia tăng, nhiều chủ đầu tư thoái vốn tại các dự án và hệ lụy từ việc “chôn” vốn trong bất động sản kéo theo nhiều tác động tiêu cực khác.

Ngay từ đầu năm Công ty đã xác định nhiệm vụ trọng tâm của lĩnh vực là tập trung cắt giảm tổng tài sản của lĩnh vực, thu hồi dòng tiền, giảm chi phí sử dụng vốn; Tìm kiếm khách hàng, nâng tỷ lệ khai thác các TTTM, văn phòng cho thuê. Đồng thời tập trung hoàn thiện cơ sở pháp lý, làm tiền đề cho việc phát triển khi có điều kiện thuận lợi. Kết quả đã giúp cho hiệu quả của lĩnh vực vượt 159% so với kế hoạch, góp phần lớn vào hiệu quả chung của Công ty.

Tiến độ pháp lý các dự án: thanh lý hợp đồng với đối tác tại dự án Quốc Lộ 13; Đã được chấp thuận chủ trương chuyển toàn bộ căn hộ cho thuê thành căn hộ bán của dự án 56 Bến Vân Đồn; Hoàn tất hồ sơ pháp lý tại dự án Hiệp Bình Phước – Tam Bình, đủ điều kiện để triển khai góp vốn với khách hàng;

Tiến độ đầu tư các dự án: triển khai thi công phần hạ tầng của dự án KDC Hiệp Bình Phước - Tam Bình: hoàn thành 80% khối lượng và dự kiến sẽ bàn giao nền nhà liên kế cho khách hàng vào tháng 04/2013; Hoàn tất các công việc theo tiến độ triển khai các dự án như: thiết kế kỹ thuật theo phương án điều chỉnh, thi công cọc xi măng đất dự án 277 - 279 Lý Tự Trọng; Thiết kế của khách sạn, villa, hạ tầng, hoàn thành villa mẫu A6 và thực hiện được 50% khối lượng hạ tầng kỹ thuật của dự án Mercure Sơn Trà; Hoàn thành xong tuyến đường giao thông nội bộ của dự án Nam Cẩm Lệ...

Tiến độ vốn hóa, kinh doanh tiếp thị các dự án: thu được dòng tiền 132 tỷ đồng góp phần giảm chi phí sử dụng vốn của lĩnh vực và Công ty

VỀ LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Thực hiện chỉ đạo từ HĐQT, Ban Điều Hành về cắt giảm tài sản và cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư của lĩnh vực, trong năm qua, Công ty đã tập trung đánh giá lại danh mục đầu tư và tiến hành thanh khoản danh mục đầu tư không hiệu quả, giảm tổng tài sản của lĩnh vực xuống còn 47 tỷ đồng, góp phần giảm áp lực tài chính cho Công ty và hỗ trợ tài chính trong toàn hệ thống.

Bên cạnh đó, công tác quản trị nguồn vốn, dòng tiền và các khoản chi phí sử dụng vốn cũng được siết chặt. Thông qua việc đàm phán với các ngân hàng, Công ty đã cơ cấu lại các khoản nợ vay với mức lãi suất bình quân ở mức 13%-15%/năm; Nhờ đó, chi phí lãi vay bình quân 6 tháng cuối năm giảm 46,3% so với 6 tháng đầu năm.

Công ty cũng đã tiến hành kiểm tra, rà soát hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từng đơn vị, lĩnh vực kinh doanh giai đoạn 2009 - 2011 và từng quý trong năm 2012. Đánh giá các chỉ tiêu hoạt động, hiệu quả, các chỉ tiêu tài chính cho toàn bộ hoạt động của Công ty mẹ cũng như trong toàn hệ thống. Đồng thời phân tích, dự báo các rủi ro chính có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty để có các giải pháp xử lý thích hợp và kịp thời

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong năm tăng cường công tác dự báo, phối hợp đánh giá tình hình thị trường, tập trung nâng cao phát triển lợi nhuận bền vững từ mảng hoạt động dịch vụ tại các đơn vị; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát các khoản chi phí, giảm hàng hóa tồn kho tại các đơn vị, đồng thời, phối hợp rà soát công nợ hàng quý tại văn phòng Công ty và theo dõi tiến độ thu tiền góp vốn của các dự án...

Thường xuyên rà soát, kiểm tra quá trình thực hiện chi phí của từng bộ phận, lĩnh vực. Kết quả, đã tiết giảm được 13,7% so với kế hoạch chi phí đã xây dựng đầu năm và 2,5% so với thực hiện năm 2011, góp phần nâng

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2012

Đứng trước một năm rất khó khăn, Ban Điều Hành Công ty cũng đã tiến hành phân tích, đánh giá tình hình thị trường, các nguồn lực hiện tại, từ đó trình HĐQT điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua đầu năm. Việc điều chỉnh này nhằm mục đích chia sẻ khó khăn cùng các đơn vị, giảm các áp lực về doanh số, tránh các áp lực tài chính, chuẩn bị các nguồn lực để sẵn sàng phát triển nhanh khi thị trường thuận lợi hơn...

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt từ HĐQT, Ban Điều Hành, cùng với sự nỗ lực của các công ty con, công ty LDLK, toàn thể cán bộ quản lý và đội ngũ nhân viên trong toàn hệ thống đã tập trung thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty đặt ra.

NHỮNG NỖ LỰC CỐ GẮNG:

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại

- Với việc xác định đúng chiến lược phát triển của lĩnh vực, Công ty đã tập trung phát triển hoạt động dịch vụ, đây là nguồn lực tạo giá trị bền vững cho cả hệ thống và là cơ sở đảm bảo hiệu quả chung của

cao hiệu quả chung của toàn Công ty.

Hệ thống quản trị minh bạch thông qua việc kiểm tra, kiểm soát được sự đồng thuận cao trong toàn hệ thống. Hệ thống Kiểm soát nội bộ được hoàn thiện và đã xây dựng một quy trình khép kín từ Ban Kiểm soát các đơn vị cho tới Văn phòng Công ty... Đặc biệt, trong quý 3, cùng với việc ban hành “Quy chế hoạt động của kiểm soát viên trong toàn hệ thống SAVICO”, sự ra đời của câu lạc bộ Tài chính-Kế toán-Kiểm soát nội bộ đã góp phần tăng cường công tác rà soát, kiểm tra, đánh giá cũng như tham mưu cho các hoạt động kinh doanh.

ngành ô tô năm 2012, giữ vững vị thế là nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam.

- Công tác dự báo, đánh giá thị trường, kiểm soát hàng tồn kho, chi phí được triển khai thực hiện linh hoạt và đồng bộ hàng quý, tháng trong năm 2012 đã góp phần tăng cường công tác quản trị theo chiều sâu tại từng đơn vị và trong toàn hệ thống.

- Việc thực hiện kiểm soát định mức chi phí theo từng bộ phận là tiền đề để Công ty cùng các đơn vị thành viên thực hiện giao quyền chủ động về doanh thu, chi phí gắn với hiệu quả từng bộ phận tại đơn vị thành viên cùng với việc tái cấu trúc bộ máy theo hướng tinh gọn và hiệu quả.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

- Tập trung vốn hóa các dự án trọng điểm, thu hồi dòng tiền cho Công ty và thực hiện mục tiêu cắt giảm tổng tài sản.

- Kiểm soát và cân đối dòng tiền để phát triển từng dự án một cách phù hợp cho từng giai đoạn.

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí sử dụng vốn, góp phần nâng cao hiệu quả của lĩnh vực.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính

- Kiểm soát tốt dòng tiền, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, cắt giảm các khoản chi phí sử dụng vốn của Công ty.
- Kiên quyết cắt giảm các danh mục đầu tư không hiệu quả.
- Tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đơn vị trong hệ thống.

Công tác quản trị tham mưu:

Sự thống nhất và đồng thuận cao từ HĐQT, Ban TGD, cán bộ đại diện vốn và toàn thể người lao động trong việc nâng cao hệ thống quản trị minh bạch, tăng cường công tác phối hợp giữa các đơn vị/bộ phận và đơn vị, tăng cường công tác giám sát, quản trị rủi ro, quản trị chi phí... giao chi phí và quỹ lương cho từng bộ phận đã góp phần giúp cho Công ty vượt qua khó khăn để hoàn thành mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

CỔ TỨC

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 và nghị quyết của HĐQT về việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2012, mức cổ tức năm 2012 dự kiến là 10-12%/vốn điều lệ. Hội đồng quản trị dự kiến đề xuất với ĐHĐCĐ phê duyệt mức chia cổ tức năm 2012 là 10%/Vốn điều lệ.

NHỮNG HẠN CHẾ TỒN TẠI

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:

- Công tác dự báo còn hạn chế khi chưa đánh giá đúng diễn biến quá nhanh của thị trường, nên còn bị động và lúng túng khi điều kiện kinh doanh chuyển sang khó khăn.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

- Các khoản công nợ tồn đọng được theo dõi xử lý nhưng kết quả chưa cao, đặc biệt là công nợ cho thuê văn phòng và các mặt bằng thương mại.
- Chưa mở rộng được các kênh tiếp thị quốc tế nhằm tìm kiếm đối tác đầu tư để vốn hóa các dự án một cách hiệu quả.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính:

- Chưa chủ động trong việc tham mưu, đề xuất với Ban điều hành các giải pháp nhằm tranh thủ cơ hội thanh khoản danh mục khi thích hợp.
- Công tác phát hành trái phiếu còn gặp nhiều khó khăn.

MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2013



Lễ ký cam kết thi đua hoàn thành kế hoạch 2013 của các đơn vị trong hệ thống SAVICO

1. MỤC TIÊU – NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Toàn hệ thống SAVICO tiếp tục thực hiện chiến lược kinh doanh 2010-2015 và tầm nhìn 2020. Cụ thể như sau:

- Đánh giá chiến lược 2010-2015 của toàn hệ thống Công ty, từ đó, tiến hành xây dựng và điều chỉnh và hoàn thiện chiến lược cho giai đoạn 2013-2015, tầm nhìn 2020 cho phù hợp với tình hình hiện tại và triển khai hệ thống dự báo và phòng ngừa rủi ro cho toàn Công ty.
- Xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2013 theo hướng quản lý chặt chẽ theo định mức chi phí, đảm bảo hiệu quả của các đơn vị và lĩnh vực được ổn định và bền vững. Tiếp tục củng cố hoạt động 3 lĩnh vực, chú trọng công tác phát triển tăng quy mô ngành ô tô - xe gắn máy, trọng tâm là phát triển mạnh về dịch vụ.

- Tiếp tục thanh khoản danh mục đầu tư (bất động sản, tài chính), kiên quyết cắt giảm tổng tài sản, giảm chi phí vốn, đảm bảo an toàn vốn và sử dụng vốn có hiệu quả, nâng cao năng lực tài chính toàn hệ thống.
- Tiếp tục tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chăm lo đội ngũ CBNV đi đôi với việc tái cấu trúc bộ máy tổ chức, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.
- Nâng cao sự gắn kết và phân công chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT, Tiểu ban HĐQT với chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận và của Văn phòng Công ty. Tăng cường công tác PR nội bộ, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa các bộ phận tại Văn phòng Công ty với nhau và với các đơn vị trong hệ thống, để thực hiện tốt nhất những mục tiêu mà Công ty đã đặt ra.

2. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2013

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2012	KẾ HOẠCH NĂM 2013	KH 2013 SO VỚI TH 2012 (%)
Doanh thu bán hàng & Dịch vụ	Trđ	5.433.311	6.000.000	110
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	61.496	70.000	114
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	46.761	55.000	118
Thu nhập Cổ đông Công ty mẹ	Trđ	44.845	36.500	82
Cổ tức	%	10	12	120

(*) Đây là kế hoạch kinh doanh năm 2013 dự kiến trình ĐHĐCĐ phê duyệt và ủy quyền cho HĐQT được điều chỉnh sau 6 tháng đầu năm 2013 cho phù hợp với tình hình thị trường.

3. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại

● Tiếp tục đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh từng đơn vị và toàn lĩnh vực giai đoạn 2010 - 2012 để xác định mô hình và chiến lược kinh doanh cho giai đoạn 2013-2015, tầm nhìn 2020;

● Giao kế hoạch tổng doanh thu, chi phí, hiệu quả và quản lý, giám sát định mức phí của từng bộ phận tại từng đơn vị, đồng thời tăng cường công tác kiểm soát, nâng cao chất lượng quản trị hệ thống, minh bạch trong quản trị điều hành vừa đồng bộ tại các Công ty con, liên doanh liên kết, chú trọng các đơn vị đại lý các nhãn hiệu lớn có uy tín; Nâng cao tính quản trị hợp nhất tại các đơn vị SAVICO góp vốn trên 50%;

● Tiếp tục đẩy mạnh chất lượng, hiệu quả dịch vụ nhằm nâng dần tỷ trọng lợi nhuận dịch vụ đạt mức 50% trong tổng cơ cấu lợi nhuận. Hoạt động dịch vụ đóng vai trò then chốt và các giải pháp phát triển mạng lưới đồng bộ tại Tp. HCM, các vùng miền để duy trì tính bền vững của ngành ô tô, xe máy. Hướng đến mục tiêu chất lượng dịch vụ là uy tín từng thương hiệu trong hệ thống SAVICO cho năm 2013 và các năm tiếp theo;

● Tăng quy mô phát triển, thành lập mới, theo phương châm tiếp tục tái cấu trúc bộ máy, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ; Xem xét tái cơ cấu nguồn đầu tư tại một số đơn vị không hiệu quả, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và xác định lợi nhuận bền vững

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

(1) Phương hướng, mục tiêu hoạt động

● Duy trì và khai thác tối đa các mặt bằng, trung tâm thương mại hiện có đảm bảo dòng tiền thu ổn định.

● Tập trung mời gọi vốn đầu tư cho các dự án, cắt giảm tổng tài sản, nhằm thu hồi vốn đầu tư, giảm thiểu chi phí và tái đầu tư vào các dự án mới.

● Rà soát tổng tài sản, nguồn vốn, xác định lợi nhuận bền vững cho lĩnh vực Bất động sản.

(2) Các dự án trọng điểm năm 2013:

● Pháp lý dự án: hoàn tất Giấy CNQSD đất của dự án 115 - 117 Hồ Tùng Mậu; chuyển dự án 56 Bến Vân Đồn về công ty con (công ty Sài Gòn Khánh Hội); hoàn tất nghĩa vụ tài chính bổ sung và nhận Giấy CNQSD đất dự án Hiệp Bình Phước - Tam Bình; chuyển dự án Mercure Sơn Trà về công ty con ...

● Đầu tư dự án: hoàn thành phần thô dự án 277 - 279 Lý Tự Trọng; thi công Trung tâm hội nghị tiệc cưới tại 1014B Thới Ngọc Hầu để khai trương vào cuối năm 2013; thi công phần thân của dự án 56 Bến Vân Đồn, hoàn thành phần hạ tầng của dự án KDC Hiệp Bình Phước - Tam Bình để bàn giao cho khách hàng; Triển khai phương án hợp tác với đối tác để phát triển dự án Khu nhà liên kế kết hợp Thương mại dịch vụ tại 104 Phố Quang, Quận Tân Bình;

● Kinh doanh tiếp thị dự án: Trọng tâm là tiếp tục mọi giải pháp mời nhà đầu tư tiềm năng và kinh nghiệm cùng khai thác Trung tâm thương mại SAVICO MegaMall để cơ cấu nguồn vốn cho SAVICO Hà Nội và Công ty mẹ. Tiếp tục bán phần nhà liên kế của dự án Hiệp Bình Phước-Tam Bình, dự án Nam Cẩm Lệ; tìm đối tác hợp tác dự án Quốc Lộ 13, 66B-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Mercure Sơn Trà.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính

● Tập trung vào thanh khoản toàn bộ các cổ phiếu hiệu quả thấp trong danh mục, tạm dừng toàn bộ việc đầu tư vào danh mục mới.

● Kiểm soát cơ cấu nguồn vốn, chi phí sử dụng vốn và hiệu quả đầu tư của từng doanh nghiệp thành viên và trong toàn hệ thống. Xem xét việc sử dụng các đòn bẩy tài chính và giải pháp tài chính trong toàn hệ thống.

● Đánh giá tổng tài sản, nguồn vốn của 3 lĩnh vực, từ đó xác định chỉ tiêu và nhiệm vụ cụ thể của từng lĩnh vực. Theo dõi chặt chẽ và kiểm soát hoạt động từng đơn vị, lĩnh vực và hiệu quả đầu tư của Công ty mẹ;

● Xây dựng báo cáo phân tích theo hướng cập nhật kế hoạch trung hạn (3 năm) để thấy lộ trình, định hướng và kết quả thực hiện, đánh giá khả năng thực hiện đồng thời điều chỉnh kế hoạch ngắn hạn nhằm đảm bảo khả năng thực hiện mục tiêu đã đề ra.

● Tham gia xây dựng, phản biện đối với các dự án đầu tư mới đảm bảo nguyên tắc cần trọng, các đầu tư mới phải được kiểm soát về nguồn vốn, dòng tiền, hiệu quả từ các lĩnh vực kinh doanh của Công ty và có phương án dự phòng nhằm đảm bảo mức độ ảnh hưởng, rủi ro từ các đầu tư này lên hoạt động chung của Công ty là ít nhất và có kiểm soát.

4. KIẾN NGHỊ

Trường hợp Công ty thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2013 như trên đăng ký, kính đề nghị ĐHĐCĐ chấp thuận mức trích thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý trong toàn hệ thống Công ty là 10% phần vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2013.

Công tác quản trị

● Tăng cường công tác dự báo, giám sát hoạt động kinh doanh; đánh giá kịp thời những biến động thị trường, để có những phản ứng kịp thời đối với từng đơn vị, từng lĩnh vực kinh doanh...

● Hoàn thiện hệ thống KSNB, phòng ngừa rủi ro đáp ứng yêu cầu kiểm soát hệ thống đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh. Nâng cao năng lực tài chính kế toán, phát huy sức mạnh toàn hệ thống SAVICO;

● Tăng cường công tác Quan hệ cổ đông, tiến hành cải tiến, thay đổi và nâng cao các biểu mẫu báo cáo, đáp ứng các nhu cầu quản trị của Công ty và cung cấp đầy đủ các thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư quan tâm tới cổ phiếu SAVICO. Đồng thời, thường xuyên theo dõi và có các giải pháp cụ thể để bảo vệ giá trị cổ phiếu SAVICO trên thị trường.

● Ứng dụng CNTT trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp; Xây dựng hệ thống thông tin, đảm bảo thông tin xuyên suốt từ SAVICO đến các đơn vị thành viên và ngược lại; Tiếp tục đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu theo hướng chọn lọc và có hiệu quả...

● Tiếp tục duy trì, phát triển nguồn nhân lực, quy hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ CBNV nâng cao năng lực quản trị hệ thống, chuyển mạnh hoạt động Công ty thực sự trở thành công ty đầu tư; Triển khai các chương trình cụ thể của Quỹ chăm sóc tài năng trẻ và Quỹ tương trợ SAVICO; Hoàn thiện cơ cấu bộ máy hoạt động của Công ty theo chiến lược 2010-2015, tầm nhìn 2020.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2012 kinh tế Việt Nam hết sức khó khăn, hàng chục ngàn doanh nghiệp phá sản, giải thể, ngưng hoạt động hoặc thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh... Đối với những doanh nghiệp còn tồn tại, phải đối mặt với nhiều rủi ro: doanh thu tụt giảm, hàng hóa tồn kho tăng cao, lãi suất tín dụng tăng cao, tuy vậy rất khó để doanh nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn, buộc các doanh nghiệp phải cắt giảm tối đa các chi phí, điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh và tận dụng các nguồn lực đã tích lũy từ các năm trước để duy trì hoạt động.

Tình hình khó khăn trên đã tác động vào hầu hết các lĩnh vực hoạt động của Công ty khi sức mua của thị trường ô tô, xe máy giảm mạnh so với các năm trước; thị trường bất động sản, tài chính, chứng khoán giảm sâu; chi phí sử dụng vốn cao...

Trong bối cảnh đó, HĐQT đã chỉ đạo TGD, BĐH tại Công ty mẹ và các công ty thành viên bám sát thị trường hàng tuần, hàng tháng và hàng quý. Qua đó, đã chỉ đạo tăng cường các nhóm, các đoàn công tác và công tác kiểm soát nội bộ về từng doanh nghiệp thành viên để hỗ trợ các mặt hoạt động, công tác dự báo được theo dõi và cập nhật sát với tình hình thị trường, kịp thời đưa ra các giải pháp quyết liệt.

Kết quả hoạt động kinh doanh mà công ty đã đạt được trong điều kiện kinh doanh gặp nhiều khó khăn và bất lợi đã tiếp tục khẳng định tính ổn định và phát triển bền vững; minh chứng cho sự nỗ lực, đoàn kết và đóng góp không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty và các công ty thành viên trong hệ thống.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Để đối phó với tình hình kinh tế khó khăn của năm 2012, HĐQT đã theo dõi sát diễn biến của thị trường, kịp thời gia tăng các biện pháp hỗ trợ để chỉ đạo TGD điều hành điều chỉnh kế hoạch năm, nhằm tập trung mục tiêu bảo toàn vốn, giảm áp lực hàng hoá tồn kho, kiểm soát chi phí chặt chẽ, tập trung mọi nguồn lực để phát triển và gia tăng hiệu quả các loại hình dịch vụ. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 đã thực hiện đạt và vượt mức kế hoạch điều chỉnh 2012 với các số liệu như sau:

Tổng doanh thu hợp cộng toàn hệ thống thực hiện 6.992 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế toàn hệ thống đạt 78,1 tỷ đồng.
Kết quả hợp nhất như sau:

CHỈ TIÊU	KH 2012	KH 2012 ĐIỀUCHỈNH	KQ 2012 THỰC HIỆN	% KH ĐIỀU CHỈNH	% CÙNG KỲ
Doanh thu bán hàng & Dịch vụ	7.000.000	4.500.000	5.433.311	121	88
Lợi nhuận trước thuế	120.000	60.000	61.496	102	52
Lợi nhuận sau thuế	80.000	45.000	46.761	104	57
Thu nhập Cổ đông Công ty mẹ	45.000	41.250	44.845	109	101

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- HĐQT đã chỉ đạo TGD thành lập bốn tổ công tác làm việc với các công ty thành viên trong hệ thống về kết quả hoạt động kinh doanh của từng tháng, từng quý nhằm hỗ trợ các giải pháp để giảm số lượng hàng hoá tồn kho đến mức thấp nhất, sử dụng các đòn bẩy tài chính phù hợp, cắt giảm và tiết kiệm tối đa các khoản chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ; thường xuyên đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, từ đó điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế và giảm áp lực doanh số cho các đơn vị thành viên; cắt giảm danh mục đầu tư không hiệu quả, tăng cường kiểm soát nguồn vốn, dòng tiền; khảo sát việc sử dụng lao động, chính sách tiền lương; đánh giá chính sách thu nhập đối với người lao động và tổ chức bộ máy nhân sự hiện tại, đồng thời xem xét các phương thức trả lương nhằm tạo yếu tố kích thích tính chủ động, sáng tạo đến từng nhân viên.
- HĐQT đã chỉ đạo TGD điều hành tập trung mọi giải pháp quyết liệt để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh 2012. Cụ thể, kiểm soát kết quả kinh doanh qua từng Quý để có những chỉ đạo kịp thời sát với thực tế.

Kết quả kinh doanh qua từng Quý năm 2012 (Theo báo cáo hợp nhất):
ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	3 THÁNG	6 THÁNG	9 THÁNG	CẢ NĂM
Doanh thu thuần	1.145.031	2.276.401	3.575.263	5.414.075
Lợi nhuận trước thuế	4.713	23.639	36.231	61.496

Để đạt được kết quả trên, HĐQT, TGD điều hành đã cùng BÐH, CBQL, cán bộ đại diện vốn thống nhất gia tăng mọi mặt quản trị từ các Bộ phận đến các Doanh nghiệp thành viên. Kết quả về tổng tài sản cắt giảm 128 tỷ qua đó cơ cấu lại nguồn vốn Công ty, giảm tổng vốn vay từ 429 tỷ đồng đầu năm xuống còn 308 tỷ đồng vào cuối năm.

HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng, 56 lần trưng cầu xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, qua đó đã ban hành 82 quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty, cụ thể:

- 16 quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ thương mại;
- 27 quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ bất động sản;
- 9 quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ tài chính;
- 22 quyết định về nhân sự;
- 08 quyết định về một số vấn đề hoạt động khác của Công ty.

HĐQT đã chỉ đạo các Tiểu Ban xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của ba lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại, Dịch vụ Bất động sản, Dịch vụ Tài chính nhằm giám sát, tư vấn việc thực hiện hoạt động, hạn chế rủi ro.
HĐQT đã phối hợp với Ban Kiểm Soát xây dựng kế hoạch hoạt động và kiểm tra thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

HĐQT đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Tổng Giám Đốc, bộ máy giúp việc cho Tổng Giám Đốc và người đại diện phần vốn tại các công ty có vốn góp của SAVICO. Tổng Giám Đốc Công ty đã triển khai tổ chức và thực hiện hành công các công việc sau:

- Hội nghị nhà đầu tư để đánh giá, dự báo, góp ý việc xây dựng kế hoạch 2012 trình ĐHĐCĐ thường niên 2012 và tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2012 vào ngày 06/4/2012.
- Hội thảo xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh và các giải pháp năm 2012; Hàng tháng,

quý đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao để có biện pháp chỉ đạo ứng phó kịp thời với sự biến động của thị trường và các chính sách của Nhà nước và đã điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tiền lương cho phù hợp với tình hình thực tế của các đơn vị thành viên và của Công ty cổ phần SAVICO.

- Đánh giá, phân tích, dự báo tình hình hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động kinh doanh theo từng tháng, quý để HĐQT có biện pháp chỉ đạo kịp thời cho TGD triển khai huy động có hiệu quả các nguồn lực của Công ty; kiểm tra thường xuyên các công ty thành viên có hiệu quả thấp/lỗ để nắm bắt thông tin, có biện pháp hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời giúp cho đơn vị vượt qua giai đoạn khó khăn và chuẩn bị các điều kiện khi thị trường hồi phục.
- Rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả vốn đầu tư từng đơn vị, từng lĩnh vực kinh doanh, cắt giảm toàn bộ các danh mục đầu tư tài chính có tỉ trọng lớn để thu hồi dòng tiền, kết quả đã cắt giảm được 163 tỷ đồng, trong đó 152,1 tỷ đồng danh mục dài hạn và 10,9 tỷ đồng danh mục ngắn hạn.
- Tăng cường công tác phối hợp giữa các Công ty thành viên với các bộ phận chức năng. Công tác giám sát, quản trị rủi ro, quản trị chi phí được chuyên môn hóa và đi vào chiều sâu, nâng cao hiệu quả quản trị trong toàn hệ thống.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị và các quy định do HĐQT ban hành; kiểm tra tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước và các cơ quan chức năng.
- Tập trung các chương trình trọng tâm, các công tác chuẩn bị để đón đầu các hoạt động kinh doanh khi tình hình thị trường hồi phục như công tác quản trị nguồn nhân lực; lấy phiếu tín nhiệm ở các cấp cán bộ quản lý; kiểm soát chi phí; giao kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận đến từng bộ phận; ... để gia tăng hiệu quả ở mọi mặt hoạt động.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đứng trước tình hình khó khăn, HĐQT đã quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2012 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Việc điều chỉnh này nhằm mục đích chia sẻ khó khăn cùng các đơn vị, giảm các áp lực về doanh số, tránh các áp lực tài chính, chuẩn bị các nguồn lực để sẵn sàng phát triển nhanh khi thị trường thuận lợi hơn.

- Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:**
- Công ty đã tập trung điều chỉnh giảm hàng hoá tồn kho, chỉ đạo khai thác và gia tăng hoạt động dịch vụ, xác định hoạt động dịch vụ là nguồn lực tạo giá trị bền vững cho cả hệ thống và giữ vững vị thế là nhà phân phối ô tô hàng đầu tại Việt Nam.
 - Nâng cao dự báo, đánh giá thị trường, kiểm soát chặt chẽ chi phí bán hàng tăng cường công tác quản trị chiều sâu từng đơn vị và trong toàn hệ thống.
 - Tuy nhiên còn một số Đơn vị mới thành lập, việc sử dụng đòn bẩy tài chính chưa hiệu quả, số lượng xe làm dịch vụ chưa đảm bảo nên kết quả kinh doanh còn hạn chế.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

- Tập trung vốn hóa các dự án trọng điểm, thu hồi dòng tiền cho Công ty và thực hiện mục tiêu cắt giảm tổng tài sản. Tiến hành việc phát triển dự án trên cơ sở tự cân đối dòng tiền. Kiểm soát chặt chẽ chi phí sử dụng vốn, góp phần nâng cao hiệu quả.
- Bên cạnh đó, một số khoản vốn hóa dự án chưa thu được theo như tiến độ, việc chào mời dự án đầu tư bị chậm do thị trường đóng băng.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính:

- Điểm nổi bật trong năm 2012 đã thực hiện việc cắt giảm tổng tài sản 128 tỷ đồng, trong đó thành công lớn là thanh khoản danh mục cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB),
- Kiểm soát tốt dòng tiền, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, cắt giảm các khoản chi phí sử dụng vốn của Công ty. Kiên quyết cắt giảm các danh mục đầu tư không hiệu quả; tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đơn vị trong hệ thống.
- Chưa chủ động trong việc tham mưu, đề xuất với TGD các giải pháp nhằm tranh thủ cơ hội thanh khoản danh mục khi thích hợp; công tác phát hành trái phiếu còn gặp nhiều khó khăn.

HĐQT trân trọng và đánh giá cao đội ngũ cán bộ nhân viên của Công ty, luôn có tinh thần nhiệt huyết, trách nhiệm và đầy sáng tạo cho sự nghiệp phát triển của Công ty, đã góp phần cho kết quả ngày hôm nay. HĐQT tin rằng Công ty sẽ tiếp tục vượt qua giai đoạn đầy khó khăn và thử thách trong tình hình kinh tế hiện nay để đứng vững và phát triển ở chặng đường phía trước để Công ty luôn xứng đáng là một trong những doanh nghiệp thành viên hàng đầu trong hệ thống Tổng Công ty Bến Thành, góp phần cho việc xây dựng và phát triển thành phố của chúng ta.

KẾ HOẠCH DỰ KIẾN NĂM 2013

Năm 2013 được dự báo là năm mà lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại của Công ty tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn. Các chính sách của Chính phủ vẫn tiếp tục duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Đặc biệt cơ cấu giải quyết được tình trạng nợ xấu, hàng hoá tồn kho, nợ Bất động sản lớn, đánh giá tình hình thị trường và tiếp tục đánh giá lại chiến lược kinh doanh, đề ra những giải pháp cho từng lĩnh vực như sau:

Về lĩnh vực Dịch vụ Thương mại:

- Thường xuyên tăng cường công tác dự báo hàng Quý để sử dụng có hiệu quả các đòn bẩy tài chính, kiểm soát hàng hoá tồn kho, kiểm soát chi phí bán hàng, hoa hồng, lãi vay ở mức hợp lý nhất, gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Tiếp tục phát triển các loại hình dịch vụ cũng như gia tăng lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh dịch vụ như mua bán & cho thuê xe cũ, linh kiện, phụ tùng, bảo hiểm, ...
- Gắn việc giao kế hoạch đến từng bộ phận, nhân viên, gắn năng suất, hiệu quả và thu nhập.
- Tăng cường công tác quản trị chi phí, quản trị dữ liệu để gia tăng mọi mặt chăm sóc khách hàng. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và ngăn chặn tuyệt đối vấn đề đầu tư sai ngành nghề kinh doanh chính.
- Tiếp tục tái cấu trúc các doanh nghiệp có hiệu quả thấp hoặc không có hiệu quả; phát triển

những ngành nghề kinh doanh có liên quan đến hoạt động dịch vụ thương mại như mua bán xe cũ, cho thuê xe...

Về Dịch vụ Bất động sản:

- Tập trung cắt giảm tổng tài sản để xác định hiệu quả bền vững phù hợp với quy mô vốn, đặc điểm và thế mạnh nguồn lực chính của BĐS.
- Xác định sản phẩm chủ lực, mô hình lĩnh vực bất động sản nhằm gia tăng hiệu quả kinh doanh của lĩnh vực.
- Tiếp tục phát triển chuỗi TMDV- BĐS phục vụ cho hoạt động của lĩnh vực TMDV và phát triển các TTTM tại các thành phố lớn tương tự như TT SAVICO Megamall.
- Tìm kiếm đối tác chiến lược để thực hiện các dự án BĐS trọng điểm của Công ty như dự án Mercure Sơn Trà, dự án SAVICO Tower.

Về lĩnh vực Dịch vụ Tài chính:

- Tập trung giải pháp để tiếp tục cơ cấu nguồn vốn theo hướng an toàn bền vững.
- Đánh giá, kiểm soát hiệu quả đầu tư sử dụng vốn cho 3 lĩnh vực và cả hệ thống.
- Tìm kiếm mọi giải pháp để hỗ trợ tài chính toàn hệ thống và kiểm soát việc sử dụng đòn bẩy tài chính tại các đơn vị phù hợp với ngành nghề kinh doanh. Tập trung kiểm soát đầu tư sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục nghiên cứu giải pháp huy động vốn có lợi nhất cho Công ty và hệ thống thông qua việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu cùng với việc xác định được chiến lược phù hợp để phát triển các lĩnh vực về Dịch vụ Thương mại và Bất động sản của Công ty.
- Chỉ đạo bộ phận Quản trị tài chính phối hợp với Ban quan hệ cổ đông để bảo vệ giá trị cổ phiếu, tăng tính thanh khoản và ngăn ngừa việc thu tóm, sáp nhập.
- Xác định hiệu quả đầu tư sử dụng vốn tại các lĩnh vực, bộ phận và từng doanh nghiệp thành viên và cả hệ thống để duy trì phát triển hoạt động của mình.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị định hướng mục tiêu và những nhóm giải pháp thực hiện nhiệm vụ 2013 như sau:

- Đánh giá lại lộ trình chiến lược 2010-2015 của toàn hệ thống Công ty, điều chỉnh và hoàn thiện chiến lược giai đoạn 2013-2015, tầm nhìn 2020 cho phù hợp với tình hình hiện tại. Triển khai hệ thống dự báo và phòng ngừa rủi ro cho toàn Công ty;
- Xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2013 theo hướng quản lý chặt chẽ theo định mức chi phí, đảm bảo hiệu quả của các đơn vị và lĩnh vực được ổn định và bền vững. Tiếp tục củng cố hoạt động 3 lĩnh vực, chú trọng công tác củng cố phát triển tăng quy mô phát triển ngành ô tô – xe máy, trọng tâm phát triển mạnh về dịch vụ;
- Tiếp tục thanh khoản danh mục đầu tư (bất động sản, tài chính), kiên quyết cắt giảm tổng tài sản, giảm chi phí vốn, đảm bảo an toàn vốn và sử dụng vốn có hiệu quả, nâng cao năng lực tài chính toàn hệ thống;
- Trình Đại hội cổ đông tiếp tục thực hiện phương án phát hành 150 tỷ trái phiếu; Tìm đối tác chiến lược để phát triển hệ thống thương mại cùng với việc tiếp cận các nguồn vốn có chi phí sử dụng vốn thấp;
- Tiếp tục tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chăm lo đội ngũ CBNV đi đôi với việc tái cấu trúc bộ máy tổ chức, các đơn vị thành viên theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty;

- Nâng cao sự gắn kết và phân công chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT, Tiểu ban HĐQT với chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận. Tăng cường công tác PR nội bộ, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa các bộ phận tại Văn phòng Công ty với các đơn vị trong hệ thống.

Từ những mục tiêu định hướng trên, HĐQT đề ra các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 trình thông qua ĐHĐCĐ năm 2013 như sau:

Đvt: Triệu đồng

TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT	6.000.000
Lợi nhuận trước thuế	70.000
Lợi nhuận sau thuế	55.000
Thu nhập cổ đông công ty mẹ	36.500
Cổ tức dự kiến	12%

HĐQT xin chân thành cảm ơn sự chia sẻ của Quý vị cổ đông, nhà đầu tư, sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng đã sát cánh với Công ty trong suốt các năm qua. Đặc biệt, xin chân thành cảm ơn các cơ quan ban ngành Trung ương, Thành phố, TCT Bến Thành, các đơn vị tư vấn, ngân hàng, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM, Trung tâm lưu ký chứng khoán. Đồng thời đánh giá cao sự tận tâm, nỗ lực của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban điều hành và tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tập thể cán bộ công nhân viên luôn vượt khó để duy trì hoạt động kinh doanh, cùng nhau xây dựng, bồi đắp cho thương hiệu SAVICO ngày càng vững mạnh.

Xin chân thành cảm ơn.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA NĂM 2012 CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Nội dung kiểm tra, giám sát đối với HĐQT.

- Kiểm tra tình hình thực hiện những nội dung, chương trình mục tiêu theo quyết nghị của ĐHĐCĐ 2012 của HĐQT.
- Kiểm tra tính tuân thủ Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành trong nội dung và quy trình ban hành các văn bản của HĐQT.
- Ban kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT. Trưởng Ban kiểm soát là thành viên trong tổ kiểm phiếu trưng cầu ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT.

Một số ý kiến nhận xét về hoạt động của HĐQT trong năm 2012 :

- Trong năm 2012, HĐQT đã hoạt động rất tích cực, chỉ đạo quyết liệt đối với Tổng giám đốc trên tất cả các lĩnh vực (Tài chính, bất động sản, thương mại và các lĩnh vực quản lý khác), để thực hiện các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ năm 2012 quyết nghị.
- Về việc điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 : Do sức mua của nền kinh tế thuộc tất cả các lĩnh vực mà Công ty kinh doanh đều giảm sút mạnh so với năm 2011. Kết quả kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2012 về các chỉ tiêu sản lượng và doanh số bán, lợi nhuận trước thuế đều giảm mạnh so với thực hiện cùng kỳ năm 2011, so với kế hoạch do ĐHĐCĐ 2012 quyết nghị, thì các chỉ tiêu doanh thu bán hàng, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế, thu nhập thuộc cổ đông Công ty mẹ chỉ đạt lần lượt là 31,5%; 19,6%; 27%; 53%. Từ tình hình trên, theo sự ủy quyền của ĐHĐCĐ 2012, ngày 13-8-2012 HĐQT đã ban hành QĐ số 58, điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch 2012 theo bảng kê sau đây :

CHỈ TIÊU	KH THÔNG QUA ĐHĐCĐ 2012	TH 6th 2012	TỶ LỆ TH 6th %	KH 2012 ĐIỀU CHỈNH	TH NĂM 2012	TỶ LỆ TH %
Doanh thu BH & CCDV	7.000	2.202	31,46	4.500	5.414	121,31
Lợi nhuận trước thuế	120	24	19,63	60	61,5	102,49
Lợi nhuận sau thuế	80	22	27,06	45	46,76	103,91
Thu nhập cổ đông Cty mẹ	45	24	53,12	41	44	99,66
Cổ tức dự kiến chia (%/VĐL)	15%			10% -12%		

Ý kiến của Ban kiểm soát:

- Việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 là theo ủy quyền của ĐHĐCĐ và phù hợp với tình hình thực tế thực hiện 6 tháng đầu năm.
- Trong năm HĐQT đã chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các mục tiêu như cấu trúc lại tài sản và nguồn vốn kinh doanh, phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2012.
- HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành trong hoạt động và ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm và thẩm quyền.

2. Kiểm tra hoạt động kinh doanh của Tổng Giám đốc điều hành:

- Trong năm 2012, Tổng Giám đốc đã thành lập các tổ kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiều cuộc kiểm tra (kiểm tra hoạt động và kiểm tra chuyên đề) đối với các đơn vị thành viên thuộc hệ thống, hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ (Ban kiểm soát đã phối hợp với Bộ phận KSNB và các bộ phận quản lý chức năng, cùng tham gia kiểm tra tại các đơn vị này).
- Kết quả kiểm tra kết quả hoạt động kinh doanh 8 tháng đầu năm cho thấy, hầu hết các đơn vị được kiểm tra có kết quả kinh doanh bị âm. Qua kiểm tra, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo quyết liệt đối với công tác quản lý vốn, hàng tồn kho, doanh thu, chi phí (đặc biệt là việc quản lý hàng tồn kho, chi phí lãi vay, quảng cáo, hoa hồng môi giới và một số danh mục chi phí khác), đề ra các giải pháp chấn chỉnh kịp thời về công tác quản lý (áp dụng cho cả các đơn vị chưa được kiểm tra), đề cao vai trò và trách nhiệm của người đại diện vốn của SAVICO.
- Kết quả là hầu hết các đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, 4 tháng cuối năm 2012, có kết quả kinh doanh dương, bù đắp được lỗ kinh doanh trong 8 tháng đầu năm và có lãi, điển hình như : Công ty Cổ phần ô tô Sông Hàn, kiểm tra hoạt động kinh doanh 8 tháng đầu năm có kết quả kinh doanh lỗ 1,144 tỷ, trong 4 tháng cuối năm đã kinh doanh có lãi 1,155 tỷ đồng (lãi cả năm 12 triệu đồng); Công ty liên doanh Toyota Giải phóng, kết quả kinh doanh 8 tháng đầu năm lỗ 5,28 tỷ, trong 4 tháng cuối năm đã kinh doanh có lãi 7,36 tỷ và lãi cả năm hơn 02 tỷ đồng.

3. Hoạt động kiểm tra định kỳ:

- Thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ của công ty SAVICO.
- Một số ý kiến nhận xét.
Việc trích lập dự phòng phù hợp với quy định hiện hành về trị giá các danh mục tài sản cuối kỳ.

Trong năm 2012, Công ty mẹ đã thực hiện thanh khoản một số danh mục đầu tư, bao gồm:

- Cắt giảm đầu tư tài chính, thu hồi vốn kinh doanh trị giá 149,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau khi hoàn nhập số đã trích dự phòng là 4,5 tỷ đồng (trong đó : Thanh khoản đầu tư tài chính dài hạn là 144,64 tỷ đồng, lợi nhuận sau khi hoàn nhập dự phòng của nhóm này là 3,8 tỷ đồng).

- Thanh khoản một số danh mục bất động sản thu hồi vốn kinh doanh gần 150 tỷ đồng (Chủ yếu tại dự án Tam Bình - Hiệp Bình Phước, Thủ Đức. Tuy nhiên việc ghi nhận các khoản tài sản này sẽ được thực hiện trong năm 2013).

So với đầu năm, tổng dư nợ chịu lãi vay giảm trên 120 tỷ đồng. Tỷ số nợ chịu lãi vay chiếm 27% trên tổng tài sản và tương ứng 0,58 lần trên vốn Chủ sở hữu.
Nhìn chung, cơ cấu tài sản phù hợp với cơ cấu nguồn vốn và tình hình tài chính cuối kỳ bình thường.

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA NĂM 2013

- 1.Một số kiến nghị:
- Công ty cần tiếp tục hoàn thiện các giải pháp về tài chính kèm theo lộ trình thực hiện việc phát triển các dự án bất động sản tại Quốc lộ 13 - Quận Thủ Đức, Bãi Trẹm và Nam Cẩm Lệ - Đà Nẵng. Nhằm giúp cho việc kiểm soát tốt giá thành sản phẩm (đặc biệt là giảm thiểu chi phí sử dụng vốn) đảm bảo giá cạnh tranh với thị trường và tự cân đối được nguồn tài chính để tiếp tục phát triển dự án.
 - Tích cực phối hợp với đối tác là Thủ Đức House, để quyết toán kết quả dự án HTKD tại Phường Bình An Quận 2.
 - Xây dựng phương án tính giá thành sản phẩm hợp lý tại dự án nhà ở Tam Bình - Hiệp Bình Phước, Thủ Đức, để thuận lợi cho việc xác định thu nhập chịu thuế khi kết chuyển tiêu thụ sản phẩm của dự án.

2. Kế hoạch hoạt động kiểm tra năm 2013
- Kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2013.
 - Kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ công ty;
 - Tiếp tục phối hợp cùng bộ phận KSNB, các bộ phận quản lý chức năng của công ty mẹ, kiểm soát viên, người đại diện vốn của SAVICO tại một số các công ty thành viên (chọn mẫu hoặc theo kế hoạch kiểm tra của Ban điều hành), để xem xét tình hình kết quả kinh doanh 6 tháng, 9 tháng năm 2013 và tình hình tài chính tại một số công ty thành viên thuộc SAVICO.

THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD, BKS CÔNG TY

Lương, thù lao và công tác phí của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành như sau:

ĐVT: đồng		
STT	NỘI DUNG	THÙ LAO
1.	Hội đồng quản trị	2.526.000.000
2.	Ban kiểm soát	828.000.000
3.	Ban điều hành	120.000.000
Tổng Cộng		3.474.000.000



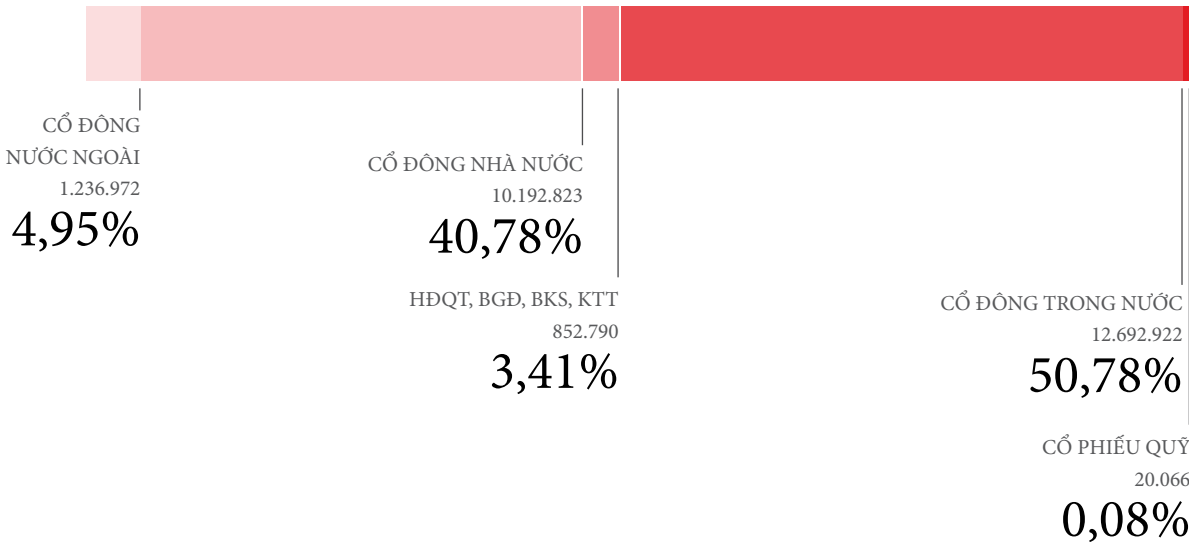
*"Luôn tạo ra những bước đột phá trong
phát triển để giữ vững và nâng cao vị
thế trong cộng đồng doanh nghiệp"*

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY

Tính đến thời điểm chốt danh sách Cổ đông ngày 25/02/2013, SAVICO có 1.675 Cổ đông trên tổng số 24.975.507 cổ phiếu lưu hành. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người có liên quan sở hữu 852.790 cổ phiếu, tương đương 3,41% tổng số cổ phiếu lưu hành. Một số Cổ đông lớn phải kể đến như Tổng Công ty Bến Thành nắm giữ 10.192.823 cổ phiếu (chiếm 40,78%); Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI sở hữu tổng cộng 2.382.720 cổ phiếu (9,32%). SAVICO có 48 Cổ đông nước ngoài sở hữu 1.239.972 cổ phiếu chiếm 4,95% số cổ phiếu lưu hành.

NỘI DUNG	KHỐI LƯỢNG (CỔ PHIẾU)	TỶ LỆ NĂM GIỮ (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
				TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
Cổ đông Nhà Nước	10.192.823	40,78	1	1	-
HĐQT, BGĐ, BKS, KTT	852.790	3,41	10	-	10
Cổ đông trong nước	12.692.922	50,78	1.615	59	1.556
Cổ đông nước ngoài	1.236.972	4,95	48	9	39
Cổ phiếu quỹ	20.066	0,08	1	1	-
Tổng cộng	24.995.573	100,00	1.675	70	1.605



VIỆC MUA BÁN CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm qua công ty không thực hiện mua/ bán cổ phiếu quỹ, tổng số cổ phiếu quỹ đến thời điểm 31/12/2013 của công ty là 20.066 cổ phiếu.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TỪ 5% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ LÊN)

CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ TRỌNG
Tổng Công ty Bến Thành	27 Nguyễn Trung Trực, Q.1, TP.HCM	10.192.823	40,78%
Công ty TNHH quản lý quỹ SSI	Tầng 5, số 1C, Ngõ Quyền, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.382.720	9,32%

TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BTGD, KTT

Tại thời điểm 25/02/2013

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU	%
Nguyễn Vinh Thọ	Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc	550.062	2,201%
Nguyễn Bình Minh	Thành viên HĐQT / Phó Tổng Giám đốc	67.900	0,272%
Tạ Phước Đạt	Thành viên HĐQT / Phó Tổng Giám đốc	27.726	0,111%
Tế Trí Dũng	Thành viên HĐQT	-	0,000%
Võ Hiến	Thành viên HĐQT / Phó Tổng Giám đốc	77.673	0,311%
Lê Hùng	Thành viên HĐQT	-	0,000%
Lương Quang Hiến	Thành viên HĐQT	-	0,000%
Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	7.800	0,031%
Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	88.300	0,353%
Hoàng Thị Thảo	Kế toán trưởng	28.473	0,114%
Lê Xuân Đức	Trưởng BKS	4.693	0,019%
Nguyễn Công Bình	Thành viên BKS	156	0,001%
Nguyễn Phương Loan	Thành viên BKS	7	0,000%

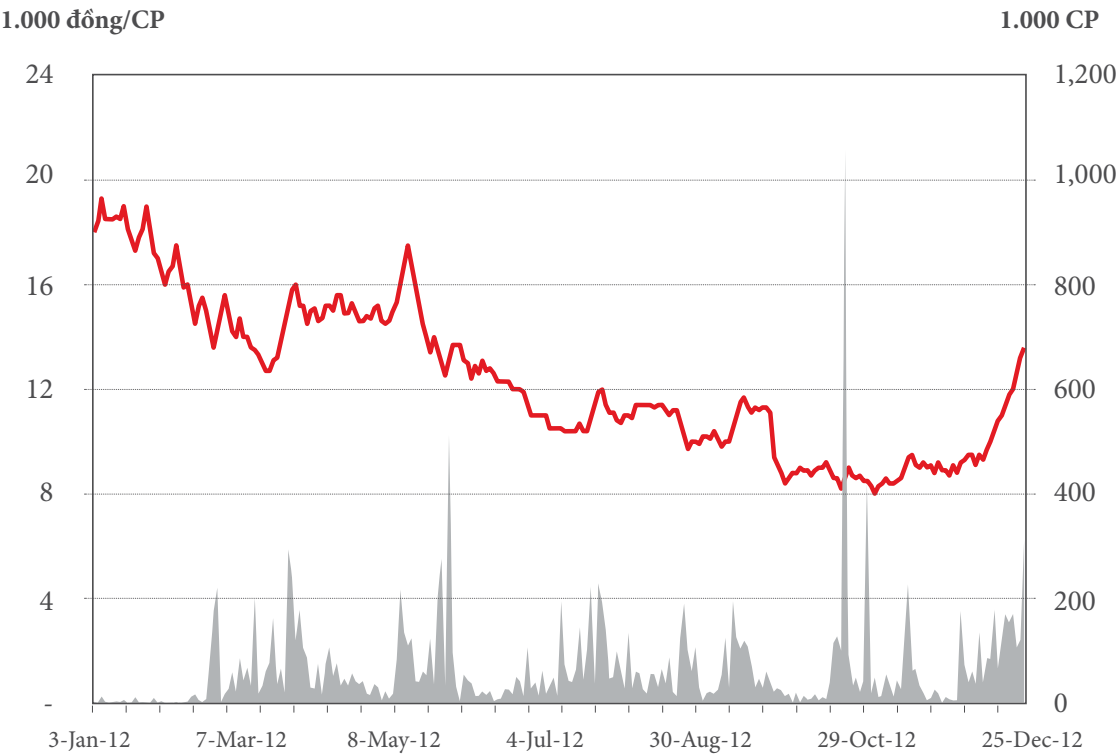
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TÊN TỔ CHỨC/ NGƯỜI GIAO DỊCH	PHÂN LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CP TRƯỚC NGÀY GIAO DỊCH	SỐ LƯỢNG CP GIAO DỊCH		SỐ LƯỢNG CP SAU NGÀY GIAO DỊCH	THỜI GIAN THỰC HIỆN
			MUA	BÁN		
Quản lý quỹ SSI	Cổ đông lớn	1.258.430	136.220	-	1.394.650	15/12/11 đến 15/02/12
Quỹ tầm nhìn SSI	Cổ đông lớn	3.090.070	229.870	465.890	2.854.050	26/12/11 đến 25/02/12
Tổng công ty Bến Thành	Cổ đông lớn	10.080.723	120.000	7.900	10.192.823	28/12/11 đến 28/02/12
Quản lý quỹ SSI	Cổ đông lớn	1.394.650	-	132.430	1.262.220	03/02/12 đến 02/05/12
Quỹ tầm nhìn SSI	Cổ đông lớn	2.854.050	420.370	589.890	2.684.530	03/02/12 đến 02/05/12
Quản lý quỹ SSI	Cổ đông lớn	1.262.220	754.010	-	2.016.230	09/05/12 đến 09/07/12
Quỹ tầm nhìn SSI	Cổ đông lớn	2.684.530	-	1.000.000	1.684.530	09/05/12 đến 30/05/12
Quỹ tầm nhìn SSI	Cổ đông lớn	1.684.530	-	279.470	1.405.060	26/05/12 đến 12/09/12
Quỹ tầm nhìn SSI	Cổ đông lớn	1.405.060	-	168.390	1.236.670	13/09/12 đến 18/10/12
Quản lý quỹ SSI	Cổ đông lớn	2.016.230	518.560	-	2.534.790	26/05/12 đến 23/10/12
Quản lý quỹ SSI	Cổ đông lớn	2.534.790	-	50.000	2.484.790	24/10/12 đến 27/12/12

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU

THỐNG KÊ CỔ PHIẾU TRONG NĂM 2012	ĐVT	SỐ LIỆU
Giá ngày 28/12/2012	đồng/ CP	13.600
Giá ngày 31/12/2011	đồng/ CP	17.500
Giá cao nhất trong năm	đồng/ CP	19.300
Giá thấp nhất trong năm	đồng/ CP	7.900
Tổng khối lượng giao dịch	CP	16.076.710
Khối lượng giao dịch bình quân/ phiên	CP/ phiên	64.307
Khối lượng CP niêm yết	CP	24.995.573
Khối lượng CP lưu hành	CP	24.975.507
Tổng giá trị vốn hoá thị trường (ngày 31/12/12)	tỷ đồng	340
Tổng giá trị sổ sách của Công ty (ngày 31/12/12)	tỷ đồng	733
EPS (2012)	đồng/ CP	1.796
P/E (31/12/2012)	lần	7,57
P/B (31/12/2012)	lần	0,46
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (31/12/12)	%	4,95%
Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (31/12/12)	%	40,78%

Diễn biến giá đóng cửa và khối lượng giao dịch trong năm 2012



CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ 2012 (IR)

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



Hội nghị nhà đầu tư SAVICO.

Trong năm 2012, SAVICO luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu về việc thực hiện công bố thông tin theo quy định chính xác, đầy đủ và kịp thời. Công ty luôn coi việc công bố thông tin minh bạch, đầy đủ và chính xác là trách nhiệm đối với các nhà đầu tư, cũng như với chính sự phát triển bền vững của SAVICO.

Với mục tiêu tăng cường công tác chăm sóc cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng của Công ty, công tác quan hệ nhà đầu tư (IR) ngày càng được cải thiện, nâng cao chất lượng. Công ty tạo ra ngày càng nhiều hơn nữa các kênh thông tin đa dạng tới các cổ đông và các nhà đầu tư như Đại hội đồng Cổ đông thường niên, thông báo kết quả kinh doanh định kỳ hàng quý, qua website www.savico.com.vn, qua các phương tiện truyền thông đại chúng...

Đáng chú ý trong năm 2012, Công ty đã tổ chức thành công Hội nghị Nhà Đầu tư vào tháng 3.2012. Hội nghị nhận được những phản hồi tích cực từ cộng đồng Nhà đầu tư. Công ty đã cải tiến chuyên mục Quan hệ Nhà đầu tư trên website www.savico.com.vn. Báo cáo thường niên của Công ty liên tục 5 năm liền (2007-2011) được bình chọn là một trong những báo cáo thường niên tốt nhất.

SAVICO & CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU



SAVICO đạt TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất VN.

SAVICO đạt TOP 50 giải BCTN tốt nhất 2012.

Năm 2012 SAVICO đã tổ chức lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty, sự kiện đánh dấu của một thương hiệu khởi đầu từ mô hình kinh tế dịch vụ đầu tiên trong cả nước, sau 30 năm xây dựng và phát triển; Đến nay SAVICO hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, đầu tư trên 3 lĩnh vực trong đó lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại vẫn là lĩnh vực then chốt; Năm 2012 cũng là một năm đầy thách thức khó khăn đối với hoạt động của doanh nghiệp nói chung và trong đó có SAVICO, nhất là ở lĩnh vực dịch vụ thương mại, cụ thể như ngành hàng ô tô, xe gắn máy, chi phí tăng cao, hầu hết các nhãn hiệu đều giảm mạnh về số lượng xe tiêu thụ; Tuy nhiên nhờ việc quản trị điều hành kịp thời và linh hoạt hiệu quả của ngành ô tô đã có những thay đổi rất lớn... Đặc biệt trong tình hình khó khăn ấy, các đơn vị trong hệ thống lại tập trung tăng cường hơn nữa công tác hậu mãi, nâng cao chất lượng dịch vụ bảo hành, bảo trì, chăm sóc, đáp ứng ngày càng tốt hơn những yêu cầu của người tiêu dùng, đem đến sự hài lòng tốt hơn nhằm thu hút khách hàng đến với Thương hiệu SAVICO và tiếp tục giữ vững vị trí nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam.

Thương hiệu SAVICO được khách hàng, các đối tác trong ngành và xã hội đánh giá cao bởi chất lượng và uy tín của sản phẩm mà SAVICO đã mang lại cho khách hàng. Vừa qua trong danh sách Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500) năm 2012 do Công ty CP Báo cáo đánh giá Việt Nam công bố, SAVICO đã có mặt ở vị trí 111 (so với năm 2011 ở vị trí 180 tăng 69 bậc). Thành tích này đã chứng tỏ được sự tăng trưởng bền vững của SAVICO trong nhiều năm liền.

CÔNG TÁC XÃ HỘI, ĐOÀN THỂ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC



SAVICO trao tặng nhà tình thương cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn.

Hoạt động công đoàn cơ sở và công đoàn các đơn vị thành viên đã phối hợp phát động các phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến trong công tác, nghiệp vụ chuyên môn, tổ chức các hội thi nghiệp vụ - tay nghề đồng thời thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động đặc biệt quan tâm đến các hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn như hỗ trợ tiền đóng học phí cho con em CBNV (12 trường hợp) hỗ trợ sửa chữa, chống dột nhà ở cho 02 gia đình CBNV, hỗ trợ 34 trường hợp CBNV có hoàn cảnh khó khăn với số tiền gần 200 triệu đồng. Mặt khác, dù tình hình kinh doanh có nhiều khó khăn nhưng SAVICO cũng đã thể hiện tinh thần sẻ chia đối với những người nghèo, bất hạnh trong xã hội như ủng hộ các quỹ xóa đói giảm nghèo của địa phương, đóng góp chương trình quà tặng thăm Bộ đội Trường Sa, tài trợ Quỹ học bổng Vũ A Dính, ủng hộ Quỹ Bảo trợ bệnh nhân nghèo

TP HCM nhằm giúp người mù nghèo phẫu thuật mắt. Tổng số tiền đã đóng góp trên 600 triệu đồng.

Đoàn thanh niên phát huy vai trò xung kích trong công tác chuyên môn vận động CBNV thực hiện chống lãng phí, thực hành tiết kiệm...Đoàn thanh niên ngày càng thể hiện vai trò nòng cốt trong công tác vận động giáo dục tư tưởng cho thanh niên.. Nhiều hoạt động mang tính giáo dục truyền thống như thăm viếng và thắp hương cho các anh hùng có công với cách mạng, đi bộ ủng hộ nạn nhân chất độc da cam... đã được đoàn viên tham gia tích cực. Đặc biệt trong đợt kỷ niệm sự kiện 30 năm ngày thành lập công ty CP SAVICO và kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Tổng Công ty Bến Thành, hai đoàn thể đã phối hợp triển khai, tổ chức và tham gia các phong trào văn thể mỹ tạo không khí thi đua vui tươi sôi nổi trong toàn hệ thống.

SAVICO với truyền thống đoàn kết, năng động sáng tạo, đón đầu cơ hội, vượt qua thách thức để tổ chức kinh doanh có hiệu quả, nâng cao giá trị thương hiệu thì điều có ý nghĩa nhất là sẽ tạo ra những bước đột phá mạnh mẽ để phát triển và nâng cao vị thế SAVICO trong cộng đồng doanh nghiệp.

SAVICO tin rằng giá trị công ty sẽ ngày càng gia tăng với các nguồn lực luôn được bổ sung và hoàn thiện trên cơ sở chiến lược phát triển kinh doanh đúng đắn, chính sách mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược trong và

ngoài nước; Với bản lĩnh, năng lực điều hành quản trị linh hoạt của Đảng ủy , HĐQT, Ban điều hành thông qua hệ thống quản trị minh bạch, việc kiểm tra, kiểm soát được sự đồng thuận cao trong hệ thống đã góp phần nâng cao hiệu quả chung của toàn công ty cùng hướng đến mục tiêu: đảm bảo hài hòa lợi ích của khách hàng, cổ đông, người lao động và thể hiện trách nhiệm với cộng đồng xã hội trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp, thương hiệu SAVICO ngày càng phát triển bền vững.



SAVICO đón nhận Bằng khen TTCP và cờ truyền thống 30 năm của UBND TP. HCM.

CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG SAVICO ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Danh hiệu do Nhà nước trao tặng:

- Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ và Cờ Truyền thống 30 năm của UBND Tp. Hồ Chí Minh trao tặng.

Các giải thưởng thương hiệu do các tổ chức uy tín trao tặng:

- Top 50 giải Báo cáo thường niên tốt nhất và là đơn vị nhiều năm liền đạt giải báo cáo thường niên tốt nhất do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước tặng
- Thương hiệu Uy tín (Trusted Brand) Do mạng Doanh Nghiệp VN bình chọn
- Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST 500) và Đạt thứ hạng 111 của Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt (VRN500) do Công ty CP Báo cáo đánh giá Việt Nam bình chọn....

- 2 Đơn vị thành viên trong hệ thống SAVICO : Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn và Công ty TNHH Sài Gòn Ôtô đạt Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt (VRN500).

Các giải thưởng khác do nhà cung cấp công nhận:

- Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn đạt : Giải nhất kỹ năng bán hàng, Giải nhất cố vấn dịch vụ, Giải nhất chăm sóc khách hàng, ...
- Công ty TNHH ô tô Sài Gòn (Saigon Ford) đạt Đại lý bán hàng xuất sắc nhất toàn quốc.
- Giám đốc bán hàng xuất sắc toàn quốc.
- CEO xuất sắc toàn quốc.
- Công ty CP Bến Thành ô tô (Bến Thành Ford): Đạt chứng chỉ Qualitycare sửa chữa khung và đồng sơn; Đại lý duy trì điểm CS ổn định nhất.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG 2012



THÔNG TIN CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH SỐ

3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

GIẤY PHÉP KINH DOANH

4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004
Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 15 tháng 10 năm 2009. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên
Ông Võ Hiến	Thành viên
Ông Tế Trí Dũng	Thành viên
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
Ông Lê Hùng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Ông Lê Xuân Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 4 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc
Nguyễn Vĩnh Thọ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street,
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam
Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax + 84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 51. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG Việt Nam
Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 12-01-325



Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2013



Lê Đức Phong

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0465/KTV

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		106.291.440.413	168.108.111.315
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.455.549.627	10.048.378.526
Tiền	111		4.455.549.627	9.598.378.526
Các khoản tương đương tiền	112		-	450.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	12.880.000.000	31.174.899.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		54.800.000.000	65.730.739.308
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(41.920.000.000)	(34.555.840.308)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	84.755.837.466	111.854.016.382
Phải thu khách hàng	131		14.296.090.285	11.413.308.057
Trả trước cho người bán	132		20.750.113.731	40.631.312.832
Các khoản phải thu khác	135		49.709.633.450	59.809.395.493
Hàng tồn kho	140	7	106.619.587	10.030.892.733
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.093.433.733	4.999.924.674
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.916.671	108.636.367
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		917.360.319	1.092.864.564
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.168.156.743	3.798.423.743

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận
hợp thành báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.286.666.428.487	1.352.903.828.290
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	62.845.621.247	43.064.994.071
Phải thu dài hạn khác	218		62.845.621.247	43.064.994.071
Tài sản cố định	220		539.390.473.363	491.961.809.424
Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.106.895.739	3.914.990.931
Nguyên giá	222		10.843.930.349	11.376.771.945
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.737.034.610)	(7.461.781.014)
Tài sản cố định vô hình	227	9	43.961.077.356	44.747.675.028
Nguyên giá	228		47.084.099.490	47.084.099.490
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.123.022.134)	(2.336.424.462)
Xây dựng cơ bản dở dang	230		492.322.500.268	443.299.143.465
Bất động sản đầu tư	240	11	185.143.232.657	192.660.607.952
Nguyên giá	241		224.224.251.966	224.224.251.966
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(39.081.019.309)	(31.563.644.014)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	493.817.114.738	616.331.064.926
Đầu tư vào công ty con	251		157.072.107.279	128.263.107.279
Đầu tư vào công ty liên kết	252		58.230.309.000	141.080.309.000
Đầu tư dài hạn khác	258		303.954.496.328	371.311.265.631
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(25.439.797.869)	(24.323.616.984)
Tài sản dài hạn khác	260		5.469.986.482	8.885.351.917
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.791.093.605
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	4.259.486.482	5.163.758.312
Tài sản dài hạn khác	268		1.210.500.000	1.930.500.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.392.957.868.900	1.521.011.939.605

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận
hợp thành báo cáo tài chính này

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		738.251.609.891	870.823.688.655
Nợ ngắn hạn	310		352.884.769.949	460.063.931.289
Vay ngắn hạn	311	14	93.686.173.330	235.127.329.526
Phải trả người bán	312		10.232.605.647	4.959.773.687
Người mua trả tiền trước	313		34.993.474.130	44.268.042.953
Thuế phải nộp Nhà nước	314	15	21.282.623.305	9.974.381.188
Phải trả người lao động	315		28.015.582.862	29.864.621.225
Chi phí phải trả	316	16	15.289.381.947	5.511.571.652
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	144.919.337.824	126.244.948.661
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	18	4.465.590.904	4.113.262.397
Nợ dài hạn	330		385.366.839.942	410.759.757.366
Phải trả dài hạn khác	333	19	114.501.317.327	111.707.395.567
Vay dài hạn	334	20	214.459.700.672	194.281.092.890
Doanh thu chưa thực hiện	338	21	56.405.821.943	104.771.268.909
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		654.706.259.009	650.188.250.950
Vốn chủ sở hữu	410	22	654.706.259.009	650.188.250.950
Vốn cổ phần	411	23	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	414	23	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		12.469.151.903	12.469.151.903
Quỹ dự phòng tài chính	418		12.469.151.903	12.469.151.903
Lợi nhuận chưa phân phối	420		63.437.841.258	58.919.833.199
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.392.957.868.900	1.521.011.939.605

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận
hợp thành báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12
năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

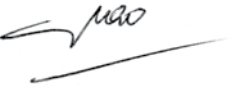
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ trong tiền		
USD	681	703
EUR	-	5

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	24	91.934.395.742	140.176.007.609
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(96.464.520)	(90.679.715)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10	24	91.837.931.222	140.085.327.894
Giá vốn hàng bán	11	25	(49.160.637.023)	(93.939.257.096)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		42.677.294.199	46.146.070.798
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	47.829.155.885	73.617.980.990
Chi phí tài chính	22	27	(99.653.967.010)	(84.203.213.243)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(67.469.727.289)	(76.549.443.949)
Chi phí bán hàng	24		(1.045.665.276)	(3.035.294.894)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(39.929.137.547)	(31.817.075.018)
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		(50.122.319.749)	708.468.633
Thu nhập khác	31	28	116.302.234.120	49.573.994.078
Chi phí khác	32		(3.185.024.906)	(917.886.917)
Lợi nhuận từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		113.117.209.214	48.656.107.161
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		62.994.889.465	49.364.575.794
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	(8.127.773.455)	(5.173.950.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	(904.271.830)	(6.607.942.788)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)	60		53.962.844.180	37.582.683.006
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.161	1.505

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12
năm 2012

Mẫu B 02 – DN

ngày 18 tháng 3 năm 2013	
Người lập	Người duyệt
	
Hoàng Thị Thảo Kế toán trưởng	Nguyễn Vinh Thọ Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2013	
Người lập	Người duyệt
	
Hoàng Thị Thảo Kế toán trưởng	Nguyễn Vinh Thọ Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận
hợp thành báo cáo tài chính này

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận
hợp thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận
hợp thành báo cáo tài chính này

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2012 VND	2011 VND		MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Lợi nhuận trước thuế	01		62.994.889.465	49.364.575.794		Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(54.721.555.999)	(153.716.937.698)
Điều chỉnh cho các khoản									
Khấu hao và phân bổ	02		9.213.303.085	10.228.514.797		Biến động tài sản dài hạn khác		720.000.000	593.000.000
Các khoản dự phòng	03		8.480.340.577	1.085.217.937		Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào chứng khoán	22	152.339.211.000	48.454.142.290
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(3.957.948.227)	-		Tiền thu từ thanh lý tài sản	22	12.996.394.441	-
Lãi từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty liên kết	05		-	(20.695.800.000)		Tiền thu từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty liên kết	23	-	105.202.800.000
Thu cổ tức và nhập lãi tiền gửi	05		(26.980.505.563)	(39.516.115.567)		Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(28.809.000.000)	(27.639.251.074)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý các khoản đầu tư vào chứng khoán	05		13.116.458.898	(7.654.448.170)		Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	27.684.213.513	37.713.297.497
Chi phí lãi vay	06		67.469.727.289	76.549.443.949		Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	110.209.262.955	10.607.051.015
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		130.336.265.524	69.361.388.740	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		86.947.027.411	36.486.177.477		Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	277.636.800.034	291.919.108.626
Biến động hàng tồn kho	10		9.924.273.146	(4.970.561.570)		Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(398.899.348.448)	(326.053.907.789)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(107.140.167.972)	45.981.296.874		Tiền trả cổ tức	36	(37.463.260.500)	(37.436.928.000)
			120.067.398.109	146.858.301.521		Lưu chuyển tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40	(158.725.808.914)	(71.571.727.163)
Tiền lãi vay đã trả	13		(67.920.505.208)	(75.635.108.723)		Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(5.592.828.899)	(3.692.641.404)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13		(1.017.236.047)	(5.358.816.548)		Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	10.048.378.526	13.741.019.930
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.205.939.794)	(8.592.341.506)		Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4.455.549.627	10.048.378.526
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		42.923.717.060	57.272.034.744					

ngày 18 tháng 3 năm 2013

Người lập



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt



Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận
hợp thành báo cáo tài chính này

The background of the slide is a dark gray area on the left, transitioning into a solid red area on the right. The dark gray area contains a faint, light gray grid pattern. Overlaid on this grid are several semi-transparent, upward-pointing arrows of varying sizes and opacities, creating a sense of growth and progress. Some of the arrows are accompanied by faint numerical values, such as '2.36215', '5.2684', '1.2145', and '5.25689'.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2012

THÔNG TIN CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH SỐ

3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

GIẤY PHÉP KINH DOANH

4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004
Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 15 tháng 10 năm 2009. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên
Ông Võ Hiến	Thành viên
Ông Tế Trí Dũng	Thành viên
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
Ông Lê Hùng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Ông Lê Xuân Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 4 đến trang 56 được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street,
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam
Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax + 84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con (“được gọi chung là Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 56. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-01-325



Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2013

Lê Đức Phong

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0465/KTV

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		747.081.796.641	718.944.048.040
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	222.128.381.716	112.173.337.974
Tiền	111		102.304.749.716	68.164.867.974
Các khoản tương đương tiền	112		119.823.632.000	44.008.470.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	6	12.882.052.543	31.176.951.543
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		54.802.052.543	65.732.791.851
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(41.920.000.000)	(34.555.840.308)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	229.518.139.126	227.356.980.724
Phải thu khách hàng	131		129.633.958.381	101.414.572.508
Trả trước cho người bán	132		33.607.945.565	40.455.215.942
Các khoản phải thu khác	138		66.817.856.373	86.169.126.713
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(541.621.193)	(681.934.439)
Hàng tồn kho	140	8	250.708.828.148	317.575.947.668
Hàng tồn kho	141		254.292.384.761	322.287.800.439
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.583.556.613)	(4.711.852.771)
Tài sản ngắn hạn khác	150		31.844.395.108	30.660.830.131
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.490.505.593	3.425.135.195
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.738.213.381	6.276.805.374
Thuế phải thu Nhà nước	154		146.198.012	140.000
Tài sản ngắn hạn khác	158		18.469.478.122	20.958.749.562
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.967.497.112.755	2.005.705.337.523
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.243.477.357	4.345.621.247
Phải thu dài hạn khác	218		10.243.477.357	4.345.621.247
Tài sản cố định	220		678.150.706.078	629.960.488.823
Tài sản cố định hữu hình	221	9	136.942.499.397	135.179.405.270
<i>Nguyên giá</i>	222		197.565.257.446	177.048.103.836
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(60.622.758.049)	(41.868.698.566)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	2.843.865.888	5.081.567.819
<i>Nguyên giá</i>	225		5.280.483.547	8.099.678.641
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.436.617.659)	(3.018.110.822)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12
năm 2012

Mẫu B 01 – DN/HN

**BẢNG
CÂN ĐỐI
KẾ TOÁN
HỢP NHẤT**

Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12
năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

[illegible]

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận
hợp thành báo cáo tài chính này

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận
hợp thành báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12
năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ trong tiền		
USD	1.284	904
EUR	-	5
Hàng giữ hộ bên thứ ba được trình bày bằng VND	9.414.202.856	2.419.999.999

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng doanh thu	01	27	5.433.311.343.732	6.174.258.672.347
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	(19.236.013.145)	(18.946.646.398)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10	27	5.414.075.330.587	6.155.312.025.949
Giá vốn hàng bán	11	28	(5.029.510.240.979)	(5.749.106.306.446)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		384.565.089.608	406.205.719.503
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	28.000.371.572	58.884.858.683
Chi phí tài chính	22	30	(183.126.681.603)	(145.892.638.681)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(150.237.362.999)	(120.072.307.725)
Chi phí bán hàng	24		(171.735.808.169)	(146.918.029.452)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(150.001.408.988)	(142.144.553.505)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		(92.298.437.580)	30.135.356.548
Thu nhập khác	31	31	157.672.850.479	84.189.220.658
Chi phí khác	32	32	(10.070.265.819)	(5.243.693.705)
Lợi nhuận từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		147.602.584.660	78.945.526.953
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	41	14	6.191.891.525	8.852.824.930
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		61.496.038.605	117.933.708.431
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	(13.587.740.292)	(29.859.630.230)
Chi phí lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33	(1.147.074.135)	(6.641.629.015)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)	60		46.761.224.178	81.432.449.186

ngày 18 tháng 3 năm 2013

Người lập

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt



Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận
hợp thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12
năm 2012

Mẫu B 02 – DN/HN

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận
hợp thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12
năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận
hợp thành báo cáo tài chính này

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)			46.761.224.178	81.432.449.186
Phân bổ cho:				
Các cổ đông thiểu số	61	26	1.916.041.556	36.808.986.590
Các cổ đông của Công ty	62		44.845.182.622	44.623.462.596
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.796	1.787

ngày 18 tháng 3 năm 2013

Người lập

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		61.496.038.605	117.933.708.431
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		47.141.651.297	46.132.711.007
Các khoản dự phòng	03		(2.190.922.172)	11.852.627.980
Lãi từ thanh lý tài sản	05		(1.323.371.059)	(1.200.770.707)
Lãi từ thanh lý bất động sản đầu tư	05		(4.162.663.573)	-
Lãi từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty liên kết	05		-	(26.236.344.546)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý các khoản đầu tư vào chứng khoán	05		13.116.458.898	(7.654.448.170)
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(14.795.042.917)	(11.983.181.170)
Thu nhập từ các công ty liên kết			(6.191.891.525)	(8.852.824.930)
Chi phí lãi vay	06		150.237.362.999	120.072.307.725
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		243.327.620.553	240.063.785.620
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		3.105.176.555	166.850.020.981
Biến động hàng tồn kho	10		67.030.587.263	(42.397.458.625)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(82.394.991.386)	226.003.904.756
			231.068.392.985	590.520.252.732
Tiền lãi vay đã trả	13		(151.153.530.579)	(104.743.224.748)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(12.033.294.739)	(26.995.074.419)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(15.214.551.869)	(11.452.951.287)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		52.667.015.798	447.329.002.278

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận
hợp thành báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12
năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(152.226.753.485)	(643.945.821.823)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		5.662.687.299	3.471.818.179
Tiền thu từ thanh lý bất động sản đầu tư	22		11.346.006.102	-
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào chứng khoán			152.339.211.000	48.454.142.290
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(29.283.111.566)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		14.795.042.917	17.368.840.396
Tiền chi mua tài sản dài hạn khác			(5.954.323.279)	(293.846.312)
Tiền thu từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty liên kết			-	105.202.800.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25.961.870.554	(499.025.178.836)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay nhận được	33		3.209.332.127.206	2.054.533.123.027
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.150.967.875.720)	(1.931.008.374.754)
Tiền thu từ vốn phát hành bởi công ty con cho cổ đông thiểu số			23.402.800.000	1.650.000.000
Tiền chi trả cho nợ thuê tài chính	35		(2.260.533.501)	(1.679.165.600)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36		(37.463.260.500)	(37.436.928.000)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của công ty con			(10.717.100.095)	(28.686.935.044)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		31.326.157.390	57.371.719.629
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		109.955.043.742	5.675.543.071
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		112.173.337.974	106.497.794.903
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	222.128.381.716	112.173.337.974
ngày 18 tháng 3 năm 2013				

Người lập

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Người duyệt

Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì ô tô, xe gắn máy và linh kiện phụ tùng các loại, với các nhãn hiệu như Toyota, Ford, GM, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, cung cấp dịch vụ taxi;
- Dịch vụ bất động sản: đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự, khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như thương mại và dịch vụ, bất động sản, đầu tư cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có 1.568 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.455 nhân viên).

2.CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- (a) **Tuyên bố về tuân thủ**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.
- (b) **Cơ sở đo lường**
Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.
- (c) **Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.
- (d) **Đơn vị tiền tệ kế toán**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) **Cơ sở hợp nhất**

(i) **Các công ty con**
Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) **Các công ty liên kết**
Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả thay cho các công ty liên kết.

(iii) **Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**
Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

(b) **Các giao dịch bằng ngoại tệ**
Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) **Tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) **Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn**

(i) **Phân loại**
Tập đoàn phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Tập đoàn với những công ty là đối tượng đầu tư.

(ii) **Ghi nhận**
Tập đoàn ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

(iii) **Xác định giá trị**
Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

(iv) **Giảm giá**
Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(v) **Chấm dứt ghi nhận**
Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

(e) **Các khoản phải thu**
Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(f) **Hàng tồn kho**
Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) *Nguyên giá*
Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) *Khấu hao*
Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| • nhà cửa | 6 – 42 năm |
| • máy móc và thiết bị | 4 – 8 năm |
| • thiết bị văn phòng | 2 – 10 năm |
| • phương tiện vận chuyển | 5 – 6 năm |
| • khác | 3 – 5 năm |

(h) **Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(g).

(i) **Tài sản cố định vô hình**

(i) *Quyền sử dụng đất*
Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 20 đến 50 năm.

(ii) *Phần mềm máy vi tính*
Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

(j) **Xây dựng cơ bản dở dang**
Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng chưa được hoàn thành. Không trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) **Bất động sản đầu tư**

(i) *Nguyên giá*
Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) *Khấu hao*
Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 18 – 50 năm
- nhà cửa 5 – 36 năm

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Chi phí trước hoạt động*
Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) *Chi phí đất trả trước*
Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 8 năm.

(iii) *Công cụ và dụng cụ*
Công cụ và dụng cụ sử dụng hơn một năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ từ 2 đến 3 năm.

(m) *Lợi thế thương mại*
Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(n) *Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác*
Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(o) *Dự phòng*
Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(p) *Phân loại các công cụ tài chính*
Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) **Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(s) **Doanh thu**

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(t) **Doanh thu tài chính**

(i) *Thu nhập cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(ii) *Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán*

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) *Doanh thu từ cổ tức*

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(u) **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) **Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản và bất động sản đầu tư đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá vào nguyên giá các tài sản này.

(w) **Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(x) **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO

TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B 09 – DN/HN

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

	DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI		DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN		DỊCH VỤ TÀI CHÍNH		TỔNG	
	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	5.121.421.334.803	6.133.398.793.382	451.417.333.405	139.200.099.054	17.147.987.958	19.977.167.568	5.589.986.656.166	6.292.576.060.004
Chi phí trực tiếp của bộ phận	(5.129.203.717.009)	(6.604.375.828.265)	(367.604.521.828)	(83.548.416.898)	(37.565.900.902)	(36.867.283.474)	(5.534.374.139.739)	(6.184.791.528.637)
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh	(7.782.382.206)	69.022.965.117	83.812.811.577	55.651.682.156	(20.417.912.944)	(16.890.115.906)	55.612.516.427	107.784.531.367
Doanh thu không phân bổ							15.953.787.997	14.662.870.216
Chi phí không phân bổ							(10.070.265.819)	(4.513.693.152)
							61.496.038.605	117.933.708.431

	DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI		DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN		DỊCH VỤ TÀI CHÍNH		TỔNG	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN								
Tài sản ngắn hạn	434.412.960.475	466.721.372.771	296.504.746.093	221.045.723.726	16.164.090.073	31.176.951.543	747.081.796.641	718.944.048.040
Tài sản dài hạn	782.940.024.149	612.815.201.358	1.145.872.526.787	1.042.330.127.832	34.249.338.173	344.977.710.552	1.963.061.889.109	2.000.123.039.742
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	4.435.223.646	5.582.297.781
	1.217.352.984.624	1.079.536.574.129	1.442.377.272.880	1.263.375.851.558	50.413.428.246	376.154.662.095	2.714.578.909.396	2.724.649.385.563
NỢ PHẢI TRẢ								
Nợ ngắn hạn	823.482.927.952	511.553.030.564	81.295.998.524	378.217.918.994	12.097.744.768	44.554.983.802	916.876.671.244	934.325.933.360
Nợ dài hạn	48.994.250.102	42.732.732.810	846.246.393.751	823.750.526.619	-	27.293.466.270	895.240.643.853	893.776.725.699
	872.477.178.054	554.285.763.374	927.542.392.275	1.201.968.445.613	12.097.744.768	71.848.450.072	1.812.117.315.097	1.828.102.659.059
Cho năm kết thúc:								
Khấu hao và phân bổ	28.225.207.471	30.953.900.979	18.916.443.826	15.178.810.028	-	-	47.141.651.297	46.132.711.007
Các khoản dự phòng	(163.467.743)	(9.229.322)	-	-	(2.027.454.429)	(11.843.398.658)	(2.190.922.172)	(11.852.627.980)
Mua tài sản cố định	21.375.974.756	50.900.834.467	130.850.778.729	593.338.833.668	22.322.052.543	-	152.226.753.485	644.239.668.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	8.469.381.004	6.257.567.567
Tiền gửi ngân hàng	93.043.379.985	61.907.300.407
Các khoản tương đương tiền	120.615.620.727	44.008.470.000
	222.128.381.716	112.173.337.974

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư ngắn hạn vào		
Cổ phiếu niêm yết	31.500.000.000	42.432.791.851
Cổ phiếu OTC	23.302.052.543	23.300.000.000
	54.802.052.543	65.732.791.851
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(41.920.000.000)	(34.555.840.308)
	12.882.052.543	31.176.951.543

Các khoản đầu tư chờ bán như sau:

	31/12/2012 SỐ LƯỢNG	VND
Công cụ vốn chủ sở hữu – đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu của:		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông	2.400.000	31.500.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Và Xuất Nhập Khẩu Số 2	500.000	14.000.000.000
Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000
Công ty Cổ phần Merufa	110.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	205	2.052.543
	3.190.205	54.802.052.543

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu dựa vào giá thị trường niêm yết của các công cụ tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 5.520.000.000 VND.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	34.555.840.308	12.963.221.528
Tăng dự phòng trong năm	7.364.159.692	11.452.618.780
Phân loại lại từ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	10.140.000.000
Số dư cuối năm	41.920.000.000	34.555.840.308

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 các khoản đầu tư ngắn hạn với giá trị ghi sổ là 12.880 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 26.660 triệu VND) được thế chấp ở ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 5.777 triệu VND (31/12/2011: 70.762 triệu VND là khoản phải thu từ các bên liên quan.

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 7.710 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 21.694 triệu VND).

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi đường	1.673.255.245	3.269.256.171
Vật tư và phụ tùng thay thế	27.344.587.718	6.941.927.038
Sản phẩm dở dang	1.666.882.916	2.061.221.630
Thành phẩm	331.611.805	359.449.103
Hàng hóa	223.080.346.944	309.351.155.455
Hàng gửi đi bán	195.700.133	304.791.042
	254.292.384.761	322.287.800.439
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.583.556.613)	(4.711.852.771)
	250.708.828.148	317.575.947.668

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	4.711.852.771	4.825.043.063
Sử dụng dự phòng trong năm	(354.214.900)	(103.960.970)
Hoàn nhập	(774.081.258)	(9.229.322)
Số dư cuối năm	3.583.556.613	4.711.852.771

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 151.684 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 59.413 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO

TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B 09 – DN/HN

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH						
	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	113.011.554.925	28.785.945.329	9.698.518.357	19.815.719.258	5.736.365.967	177.048.103.836
Tăng trong năm	4.607.454.689	5.792.489.296	950.287.942	9.721.483.829	46.914.000	21.118.629.756
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.081.796.293	-	-	-	-	3.081.796.293
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	2.819.195.094	-	-	-	2.819.195.094
Thanh lý	-	(13.636.364)	(677.687.132)	(5.811.144.037)	-	(6.502.467.533)
Số dư cuối năm	120.700.805.907	37.383.993.355	9.971.119.167	23.726.059.050	5.783.279.967	44.554.983.802
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	19.187.280.256	10.486.059.491	4.761.419.551	6.178.436.953	1.255.502.315	41.868.698.566
Khấu hao trong năm	7.755.266.686	5.109.238.038	1.990.345.416	3.262.143.362	799.450.324	18.916.443.826
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	2.000.766.950	-	-	-	2.000.766.950
Thanh lý	-	(4.545.459)	(472.971.786)	(1.685.634.048)	-	(2.163.151.293)
Số dư cuối năm	26.942.546.942	17.591.519.020	6.278.793.181	7.754.946.267	2.054.952.639	60.622.758.049
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	93.824.274.669	18.299.885.838	4.937.098.806	13.637.282.305	4.480.863.652	135.179.405.270
Số dư cuối năm	93.758.258.965	19.792.474.335	3.692.325.986	15.971.112.783	3.728.327.328	136.942.499.397

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 15.432 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 13.779 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 3.064 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3.468 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH THUÊ TÀI CHÍNH

	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ VND	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG VND	TỔNG VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.819.195.094	5.280.483.547	8.099.678.641
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình	(2.819.195.094)	-	(2.819.195.094)
Số dư cuối năm	-	5.280.483.547	5.280.483.547
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.452.590.125	1.565.520.697	3.018.110.822
Phân bổ trong năm	548.176.825	871.096.962	1.419.273.787
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình	(2.000.766.950)	-	(2.000.766.950)
Số dư cuối năm	-	2.436.617.659	2.436.617.659
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.366.604.969	3.714.962.850	5.081.567.819
Số dư cuối năm	-	2.843.865.888	2.843.865.888

Vào ngày kết thúc hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền chọn mua thiết bị với giá ưu đãi. Các thiết bị thuê đảm bảo nghĩa vụ thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03 – DN/HN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG CÓ THỜI HẠN XÁC ĐỊNH VND	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN XÁC ĐỊNH VND	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH VND	TỔNG VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	36.486.639.190	1.856.633.350	52.977.326.840
Tăng trong năm	-	-	257.345.000	257.345.000
Số dư cuối năm	14.634.054.300	36.486.639.190	2.113.978.350	53.234.671.840
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	5.192.361.004	865.280.655	6.057.641.659
Khấu hao trong năm	-	876.700.512	545.016.417	1.421.716.929
Số dư cuối năm	-	6.069.061.516	1.410.297.072	7.479.358.588
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	31.294.278.186	991.352.695	46.919.685.181
Số dư cuối năm	14.634.054.300	30.417.577.674	703.681.278	45.755.313.252

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 29.182 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 44.457 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

12. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	442.779.830.553	461.881.123.012
Tăng trong năm	130.850.778.729	555.385.131.668
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(76.883.870.875)	(574.486.424.127)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.081.796.293)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.055.914.573)	-
Số dư cuối năm	492.609.027.541	442.779.830.553

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 81.978 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 226.141 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 20.870 triệu VND (2011: 48.413 triệu VND).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND	NHÀ CỬA VND	TỔNG VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	132.036.608.908	651.139.097.908	783.175.706.816
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	7.183.342.529	69.700.528.346	76.883.870.875
Thanh lý	(7.183.342.529)	-	(7.183.342.529)
Số dư cuối năm	132.036.608.908	720.839.626.254	852.876.235.162
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.788.997.145	31.941.702.940	37.730.700.085
Phân bổ trong năm	4.237.389.780	21.146.826.975	25.384.216.755
Số dư cuối năm	10.026.386.925	53.088.529.915	63.114.916.840
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	126.247.611.763	619.197.394.968	745.445.006.731
Số dư cuối năm	122.010.221.983	667.751.096.339	789.761.318.322

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá 10.345 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 7.198 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 12.721 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 619.193 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12
năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN		
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	92.508.120.585	169.375.402.896
Đầu tư dài hạn khác	313.846.191.920	382.552.961.223
	406.354.312.505	551.928.364.119
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(13.591.602.761)	(14.136.258.934)
	392.762.709.744	537.792.105.185
Trong đầu tư dài hạn khác có các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các đơn vị khác (niêm yết và chưa được niêm yết) với giá trị ghi sổ là 37.605 triệu VND, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa trên giá niêm yết trên thị trường của công cụ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 34.249 triệu VND. Phần còn lại của đầu tư dài hạn thể hiện đầu tư của Công ty vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh.		
Biến động giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:		
	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	169.375.402.896	245.139.975.519
Đầu tư mới	-	3.314.000.000
Thu nhập từ lợi nhuận thuần của công ty liên kết (sau thuế thu nhập doanh nghiệp)	6.191.891.525	8.852.824.930
Cổ tức từ công ty liên kết	(6.449.899.934)	(5.644.967.591)
Thanh lý công ty liên kết	-	(78.966.455.454)
Phân loại từ đầu tư công ty liên kết sang đầu tư dài hạn khác	(76.603.904.624)	-
Chuyển đầu tư vốn dài hạn sang công ty con	-	(1.407.232.099)
Khác	(5.369.278)	(1.912.742.409)
	92.508.120.585	169.375.402.896

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:		
	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	14.136.258.934	23.885.479.056
Tăng dự phòng trong năm	-	390.779.878
Phân loại lại dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(10.140.000.000)
Hoàn nhập	(544.656.173)	-
Số dư cuối năm	13.591.602.761	14.136.258.934

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 các khoản đầu tư vào công ty liên kết với giá trị ghi sổ là 16.798 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 16.798 triệu VND) và các khoản đầu tư dài hạn khác với giá trị ghi sổ là 13.500 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 123.848 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12
năm 2012

Mẫu B 03 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO

TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B 09 – DN/HN

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:					
TÊN	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ	% QUYỀN SỞ HỮU	31/12/2012	31/12/2011
Công ty TNHH Siêu xe	Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008	37,5%	1.034.374.248	1.059.599.897
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành – SAVICO (SYM)	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu SYM và phụ tùng, dịch vụ bảo trì xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006	37,33%	2.132.040.771	2.415.799,210
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu FORD và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và được điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007	40,27%	7.878.707.936	6.976.104.179
Công ty Taxi ComfortDelgro SAVICO	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	Giấy phép Kinh doanh số 824/GP-HCM do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005	40%	33.812.944.178	31.534.378.130
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003, được điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005, ngày 14 tháng 11 năm 2007	35,16%	44.506.124.407	47.443.892.923
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Kinh doanh, tư vấn và bỏ thầu bất động sản, quảng cáo.	Giấy phép Kinh doanh số 0309535441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 1 năm 2010	49%	3.143.929,045	3.341.723.933
Công ty TNHH SAVICO – Vinaland (*)	Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan.	Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 10 năm 2008	25%	-	76.603.904.624
				92.508.120.585	169.375.402.896

(*) Trong năm, Tập đoàn phân loại lại khoản đầu tư dài hạn tại SAVICO-Vinaland Co, Ltd, một công ty liên kết, sang đầu tư dài hạn khác. Tập đoàn đã ký một thỏa thuận với nhà đầu tư khác về đầu tư, trong đó Tập đoàn sẽ nhận được một khoản thu nhập cố định từ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí trước hoạt động	-	798.521.542
Chi phí thực hiện Dự án	22.898.062.419	15.903.254.002
Công cụ và dụng cụ	11.744.389.040	6.930.830.423
Chi phí thuê đất	12.286.994.105	11.071.257.163
Chi phí sửa chữa	5.487.530.361	6.609.468.814
Chi phí khác	5.951.934.991	7.548.186.289
	58.368.910.916	48.861.518.233

16. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay bằng VND	404.166.092.017	371.544.697.299
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 22)	39.165.608.724	39.440.481.258
	443.331.700.741	410.985.178.557

Trong vay ngắn hạn có 148.193 triệu VND vay không đảm bảo (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 102.538 triệu VND) và 255.973 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 269.007 triệu VND) đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 194.862 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 185.880 triệu VND).

Vay ngắn hạn chịu lãi suất trong khoảng từ 3,7% đến 19,9% (2011: từ 12% đến 22%) một năm.

17. THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.471.654.276	3.974.695.040
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.767.974.988	16.213.529.435
Thuế thu nhập cá nhân	3.833.231.140	3.170.383.571
Thuế khác	7.949.694.510	4.259.964.043
	38.022.554.914	27.618.572.089

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí lãi vay	4.723.190.544	5.639.358.124
Chi phí thuê	2.504.281.507	5.098.814.561
Chi phí lương và các chi phí liên quan	1.863.000.000	1.213.270.369
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	9.936.965.875	5.055.290.912
Chi phí hoạt động	8.796.711.153	-
Các chi phí khác	5.448.201.590	7.045.079.037
	33.272.350.669	24.051.813.003

19. PHẢI TRẢ KHÁC

Phải trả khác bao gồm vay từ các bên có liên quan là 27.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 44.146 triệu VND) chịu lãi suất là 12,5% (2011: 17%) một năm.

20. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	7.853.501.673	6.853.594.274
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	9.708.914.906	9.351.653.372
Sử dụng quỹ trong năm	(10.912.426.234)	(8.351.745.973)
Số dư cuối năm	6.649.990.345	7.853.501.673

21. NỢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ký quỹ dài hạn nhận được	62.558.014.976	64.530.279.091
Phải trả dài hạn khác	155.939.244.216	101.667.096.871
	218.497.259.192	166.197.375.962

Phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền nhận góp vốn từ các đối tác để tham gia vào các dự án bất động sản của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn bằng VND	497.846.017.796	472.103.161.028
Trái phiếu dài hạn phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000
	597.846.017.796	572.103.161.028
Nợ thuê tài chính (*)	2.230.064.864	4.490.598.365
	600.076.082.660	576.593.759.393
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh số 16)	(39.165.608.724)	(39.440.481.258)
Hoàn trả sau 12 tháng	560.910.473.936	537.153.278.135

Trong vay dài hạn có 29.702 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 86.818 triệu VND) vay không đảm bảo và 468.173 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 385.285 triệu VND) vay có đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ 751.845 triệu VND (ngày 31tháng 12 năm 2011: 877.745 triệu VND). Các khoản vay dài hạn chịu lãi suất trong khoảng từ 5,95% đến 22,75% (2011: từ 14% đến 24%) một năm.

Trái phiếu dài hạn được phát hành vào tháng 7 năm 2010 theo mệnh giá. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào tháng 7 năm 2015 và được hoàn trả theo mệnh giá. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ 75.100 triệu VND và chịu lãi suất năm là 15% (2011: 19%) một năm.

(*) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

		31/12/2012 VND		31/12/2011 VND		
	TỔNG KHOẢN THANH TOÁN TIỀN THUÊ TÀI CHÍNH	TRẢ TIỀN LÃI	TRẢ NỢ GỐC	TỔNG KHOẢN THANH TOÁN TIỀN THUÊ TÀI CHÍNH	TRẢ TIỀN LÃI	TRẢ NỢ GỐC
Trong vòng một năm	1.271.773.364	367.755.764	904.017.600	2.424.342.576	745.176.976	1.679.165.600
Từ hai đến năm năm	1.538.986.463	212.939.199	1.326.047.264	3.419.353.009	607.920.244	2.811.432.765
	2.810.759.827	580.694.963	2.230.064.864	5.843.695.585	1.353.097.220	4.490.598.365

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Doanh thu từ Dự án SAVICO-Vinaland thể hiện chênh lệch trên đánh giá quyền khai thác dự án	-	47.046.852.000
Doanh thu từ thuê văn phòng	115.832.910.725	130.273.899.149
Doanh thu từ dịch vụ bảo hành và chăm sóc khách hàng	8.102.099.073	9.624.911.608
Khác	-	791.083.589
	123.935.009.798	187.736.746.346

THUYẾT MINH BÁO CÁO

TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Cho năm kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

24. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU									
	VỐN CỔ PHẦN VND	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN VND	CỔ PHIẾU QUỸ VND	CHÉNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI VND	QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VND	QUỸ DƯ PHÒNG TÀI CHÍNH VND	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI VND	TỔNG VND	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	19.159.016.653	9.067.519.041	133.075.083.886	732.725.216.830	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	44.623.462.596	44.623.462.596	
Trích các quỹ	-	-	-	-	1.787.465.462	6.355.524.749	(8.142.990.211)	-	
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.294.025.081)	(8.294.025.081)	
Chuyển sang quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	(2.262.462.404)	2.262.462.404	-	-	
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)	
Thù lao và quỹ thưởng cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	(3.101.205.314)	(3.101.205.314)	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	18.684.019.711	17.685.506.194	133.184.818.876	740.977.942.031	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	44.845.182.622	44.845.182.622	
Trích các quỹ	-	-	-	-	1.139.119.795	942.924.449	(2.082.044.244)	-	
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(9.708.914.906)	(9.708.914.906)	
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(1.104.162.806)	(826.176.122)	-	(1.930.338.928)	
Cổ tức (thuyết minh 36)	-	-	-	-	-	-	(37.463.260.500)	(37.463.260.500)	
Thù lao và quỹ thưởng cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	(3.682.702.090)	(3.682.702.090)	
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	18.718.976.700	17.802.254.521	125.093.079.758	733.037.908.229	

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	155.568.784.473	147.408.918.927
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số trong năm	1.916.041.556	36.808.986.590
Vốn góp trong năm	23.402.800.000	1.650.000.000
Cổ tức	(10.717.100.095)	(28.686.935.044)
Quỹ khen thưởng và phúc lợi phân bổ cho cổ đông thiểu số	(619.423.545)	(1.057.628.291)
Khác	(127.416.319)	(554.557.709)
Số dư cuối năm	169.423.686.070	155.568.784.473

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

27. TỔNG DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.
Doanh thu thuần bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
Bán hàng	4.841.493.025.869	5.795.498.490.153
Dịch vụ	450.896.921.630	375.221.193.407
Dịch vụ bất động sản đầu tư	129.575.390.131	3.538.988.787
Doanh thu từ bất động sản	11.346.006.102	-
	5.433.311.343.732	6.174.258.672.347
Các khoản giảm trừ doanh thu	(19.236.013.145)	(18.946.646.398)
Doanh thu thuần	5.414.075.330.587	6.155.312.025.949

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2012 VND	2011 VND
Hàng hóa đã bán	4.683.151.369.313	5.488.396.396.131
Dịch vụ cung cấp	327.649.181.274	246.417.030.121
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	12.300.429.121	14.302.109.516
Giá vốn bất động sản đầu tư	7.183.342.529	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(774.081.258)	(9.229.322)
	5.029.510.240.979	5.749.106.306.446

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	6.345.634.017	7.949.481.655
Lãi từ thanh khoản chứng khoán	6.890.172.740	13.404.147.750
Thu nhập từ thanh lý Công ty liên kết	-	26.236.344.546
Cổ tức	8.449.408.900	4.033.699.515
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.160.968.786	2.323.535.944
Doanh thu tài chính khác	4.154.187.129	4.937.649.273
	28.000.371.572	58.884.858.683

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	150.237.362.999	120.072.307.725
Lỗ từ thanh khoản chứng khoán	20.006.631.638	5.749.699.580
Chi phí thanh khoản chứng khoán	2.690.831.840	280.344.246
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.024.013.983	3.823.349.375
Tăng dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	6.819.503.519	11.843.398.658
Chi phí tài chính khác	2.348.337.624	4.123.539.097
	183.126.681.603	145.892.638.681

31. THU NHẬP KHÁC

	2012 VND	2011 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	5.662.687.299	3.471.818.179
Thu hoa hồng từ các đơn vị khác	10.446.547.476	11.419.308.452
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	16.160.452.272	11.296.825.818
Thu nhập từ Dự án SAVICO-Vinaland (*)	47.046.852.000	47.228.238.000
Hỗ trợ từ Vinaland Investments Limited trong thời gian xây dựng Dự án SAVICO-Vinaland	36.930.300.000	-
Thu nhập từ khách hàng do vi phạm hợp đồng (**)	30.000.000.000	-
Thu từ đền bù do giải tỏa đất	-	4.499.560.000
Thu nhập từ khách hàng do vi phạm hợp đồng	1.134.910.734	1.947.923.309
Thu nhập khác	10.291.100.698	4.325.546.900
	157.672.850.479	84.189.220.658

(*) Thu nhập này liên quan đến thu nhập do đánh giá lại quyền phát triển dự án đem góp vốn vào Công ty TNHH SAVICO-Vinaland, một công ty liên kết, như một phần vốn góp của Công ty vào công ty liên kết.
(**) Thu nhập này thể hiện tiền bồi thường do lỗi vi phạm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất - Dự án Quốc Lộ13, tại Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức ngày 11tháng 10 năm 2011. Khoản bồi thường này đã được thống nhất theo biên bản thỏa thuận ngày 15 tháng 5 năm 2012 và hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 23 tháng 5 năm 2012 tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

32. CHI PHÍ KHÁC		
	2012 VND	2011 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	4.339.316.240	2.271.047.472
Các chi phí khác	5.730.949.579	2.972.646.233
	10.070.265.819	5.243.693.705
33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		
(a). Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán		
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Các khoản dự phòng	-	4.745.384
Chi phí phải trả	4.435.223.646	719.234.857
Giá trị của các khoản lỗ mang sang được ghi nhận	-	4.858.317.540
	4.435.223.646	5.582.297.781
(b). Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	15.906.101.750	29.585.178.008
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(2.318.361.458)	274.452.222
	13.587.740.292	29.859.630.230
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời		(7.520.992.886)
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	1.147.074.135	8.135.515.581
Lỗ tính thuế mang sang được sử dụng	-	(1.188.445.794)
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	7.215.552.114
	1.147.074.135	6.641.629.015
Chi phí thuế thu nhập	14.734.814.427	36.501.259.245

(c). Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	61.496.038.605	117.933.708.431
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	15.374.009.651	29.483.427.108
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(280.199.583)	(610.654.102)
Chi phí không khấu trừ thuế	2.479.884.432	2.779.965.333
Thu nhập không chịu thuế	(2.112.352.225)	(1.411.241.898)
Lỗ tính thuế được sử dụng tại các công ty con	-	(1.230.241.532)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không ghi nhận	18,329.643	-
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.573.503.967	7.215.552.114
Dự phòng thừa trong những năm trước	(2.318.361.458)	274.452.222
Chi phí thuế thu nhập	14.734.814.427	36.501.259.245

Tài sản thuế hoãn lại không được một số công ty con ghi nhận trên số lỗ tính thuế vì các công ty con này không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗ tính thuế này.

(d). Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất phổ biến được áp dụng cho các doanh nghiệp tại Việt Nam, hiện nay bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. được thực hiện như sau:

(i). Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	44.845.182.622	44.623.462.596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii). Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	2012	2011
	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	24.975.507	24.975.507

35. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a). Quản lý rủi ro tài chính

(i). Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii). Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(b). Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	THUYẾT MINH	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	213.659.000.712	105.915.770.407
Phải thu khách hàng và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn	(iii)	206.153.670.918	191.247.386.029
		419.812.671.630	297.163.156.436

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Phải thu thương mại và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn – chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn – tại thời điểm cuối năm như sau:

	GỘP 31/12/2012 VND	DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI 31/12/2012 VND	GỘP 31/12/2011 VND	DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI 31/12/2011 VND
Không quá hạn	130.165.030.290	-	175.211.308.866	-
Quá hạn từ 0 đến 30 ngày	56.079.659.957	-	4.698.640.861	-
Quá hạn từ 31 đến 180 ngày	15.833.149.524	-	10.245.984.767	-
Quá hạn trên 180 ngày	4.617.452.340	541.621.193	1.773.385.974	681.934.439
	206.695.292.111	541.621.193	191.929.320.468	681.934.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:		
	2012 VND	2011 VND
Đầu năm	681.934.439	1.491.906.186
Dự phòng sử dụng trong năm	(140.313.246)	(809.971.747)
Số dư cuối năm	541.621.193	681.934.439

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31 tháng 12 năm 2012

	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	DÒNG TIỀN THEO HỢP ĐỒNG		TRONG VÒNG 1 NĂM		1 - 2 NĂM		2 - 5 NĂM		HƠN 5 NĂM	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	223.591.696.318	223.591.696.318	223.591.696.318	223.591.696.318	-	-	-	-	-	-	-
Vay ngắn hạn	443.331.700.741	457.057.332.877	457.057.332.877	457.057.332.877	-	-	-	-	-	-	-
Phải trả người lao động	52.890.709.012	52.890.709.012	52.890.709.012	52.890.709.012	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	33.272.350.669	33.272.350.669	33.272.350.669	33.272.350.669	-	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	138.541.666.666	15.208.333.333	15.208.333.333	15.208.333.333	108.125.000.000	364.257.604.437	223.161.787.613	47.312.104.184	270.473.891.797	
Vay dài hạn và thuê tài chính	460.910.473.936	765.825.868.927	53.966.680.460	53.966.680.460	124.439.796.417	90.795.607.856	472.382.604.437	223.161.787.613	47.312.104.184	270.473.891.797	
Nợ dài hạn khác	218.497.259.192	218.497.259.192	80.389.547.152	80.389.547.152	90.795.607.856	472.382.604.437	223.161.787.613	47.312.104.184	270.473.891.797		
	1.532.494.189.868	1.889.676.883.661	916.376.649.821	916.376.649.821	230.443.737.606	472.382.604.437	223.161.787.613	47.312.104.184	270.473.891.797		

SAVICO

130

THUYẾT MINH BÁO CÁO

TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B 09 – DN/HN

31 tháng 12 năm 2011

	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	DÒNG TIỀN THEO HỢP ĐỒNG VND	TRONG VÒNG 1 NĂM VND	31 tháng 12 năm 2011		
				1 – 2 NĂM VND	2 – 5 NĂM VND	HƠN 5 NĂM VND
Phải trả thương mại và phải trả khác	290.025.443.522	293.537.539.412	293.537.539.412	-	-	-
Vay ngắn hạn	371.544.697.299	383.228.498.165	383.228.498.165	-	-	-
Phải trả người lao động	53.872.350.956	53.872.350.956	53.872.350.956	-	-	-
Chi phí phải trả	19.791.848.960	19.791.848.960	19.791.848.960			
Trái phiếu dài hạn đã phát hành	100.000.000.000	167.150.684.932	19.000.000.000	19.000.000.000	129.150.684.932	-
Vay dài hạn	476.593.759.393	585.905.347.164	74.890.420.901	357.742.444.629	119.182.796.206	34.089.685.428
Nợ dài hạn khác	166.197.375.962	166.197.375.962	-	128.272.461.055	-	37.924.914.907
	1.478.025.476.092	1.669.683.645.551	844.320.658.394	505.014.905.684	248.333.481.138	72.014.600.335

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Tập đoàn có rủi ro hối đoái từ các giao dịch đầu tư bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, chủ yếu bằng VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có các khoản tài sản thuần bằng ngoại tệ như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Tiền	1.284	904
Phải thu khác	1.767.000	2.730.000
Phải trả khác	(353.300)	(1.263.300)
	1.414.984	1.467.604

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ được Công ty áp dụng:

	TỶ GIÁ TẠI NGÀY 31/12/2012 VND	TỶ GIÁ TẠI NGÀY 31/12/2011 VND
USD 1	20.815	20.828

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không đáng kể. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

Báo cáo thường niên 2012

131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	GIÁ TRỊ GHI SỔ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định:		
Các khoản tương đương tiền	120.615.620.727	44.008.470.000
Vay ngắn hạn	(110.263.142.188)	(6.050.408.726)
Phải trả ngắn hạn khác	(27.000.000.000)	(57.302.340.944)
Vay dài hạn	(304.868.500.477)	-
	(321.516.021.938)	(19.344.279.670)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi:		
Tiền gửi ngân hàng	93.043.379.985	61.907.300.407
Vay ngắn hạn	(442.131.642.665)	(63.352.749.670)
Phải trả dài hạn khác	(195.207.582.183)	(476.593.759.393)
Trái phiếu dài hạn	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
	(644.295.844.863)	(578.039.208.656)

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Công ty giảm đi 4.832 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4.335 triệu VND).

(e) **Giá trị hợp lý**

(i) *So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của các tài sản tài chính ngắn hạn không khác biệt nhiều so với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của trái phiếu dài hạn và vay dài hạn dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 không khác biệt nhiều với giá trị ghi sổ.

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản nợ dài hạn khác nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii) *Cơ sở xác định giá trị hợp lý*

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Phải thu thương mại và phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

36. CỔ TỨC

Đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 6 tháng 4 năm 2012 đã quyết định chia cổ tức của năm 2011 là 37.463 triệu VND, bằng 15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

37. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có mối quan hệ liên quan với các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt. Tập đoàn có các công ty con sau:

CÁC CÔNG TY CON	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ SỐ	% SỞ HỮU
Công ty TNHH Sài Gòn Ô Tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003. được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và ngày 26 tháng 4 năm 2005.	52,05%
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy ban Nhân dân Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%
Công ty TNHH Đông Đô Thành (GM)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003.	55%

CÁC CÔNG TY CON	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ SỐ	% SỞ HỮU
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 0309553786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2009.	51%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006.	63,64%
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008.	55%
Công ty Cổ phần SAVICO Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy phép Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và ngày 12 tháng 9 năm 2007.	70%
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế. cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007.	51%
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn (HYUNDAI)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUNDAI và bảo trì xe hơi, xe chở hàng, thiết bị điện, đồ gỗ, vật liệu xây dựng, đại lý bảo hiểm.	Giấy phép Đầu tư số 0401337755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010.	51%
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC)	Xây dựng các công trình dân dụng, dự án khu công nghiệp và cung cấp các dịch vụ giải trí và cho thuê văn phòng	Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.	99%
Công ty TNHH SAVICO Vĩnh Long	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1500764333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 30 tháng 6 năm 2011 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 12 năm 2011.	51%

CÁC CÔNG TY CON	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ SỐ	% SỞ HỮU
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp SAVICO-Mekong	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1801231071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 31 tháng 12 năm 2011 và được điều chỉnh ngày 13 tháng 1 năm 2012.	51%

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2012 VND	2011 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	2.526.000.000	3.234.000.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	828.000.000	970.857.000
Ban Kiểm soát	120.000.000	126.000.000
	3.474.000.000	4.330.857.000

Các giao dịch với bên liên quan khác

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	2012 VND	2011 VND
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	5.142.712.500	4.113.720.000
		Nhận chuyển nhượng vốn	-	3.314.000.000
		Vay công ty liên kết	121.500.000.000	15.000.000.000
		Lãi trả công ty liên kết	669.690.757	201.452.055
Công ty Taxi Comfort Delgro SAVICO	Công ty liên kết	Tiền thuê thu từ công ty liên kết	2.143.804.600	2.297.918.400
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành SAVICO	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	-	403.687.591
		Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	1.070.045.499	1.367.454.106
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	906.075.000	1.127.560.000
		Tiền thuê tính cho công ty liên kết	-	333.447.292
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	401.674.934	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

38. CAM KẾT THUÊ

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	40.278.624.329	41.842.198.406
Từ hai đến năm năm	109.276.959.982	118.094.381.803
Trên năm năm	168.501.025.742	226.363.962.341
	318.056.610.053	386.300.542.550

39. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 VND	2011 VND
Chi phí mua hàng hóa	4.930.902.460.889	5.638.343.770.631
Chi phí nhân công và nhân viên văn phòng	179.198.266.932	163.993.241.177
Chi phí khấu hao và phân bổ	47.141.651.297	46.132.711.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.225.657.280	127.183.097.226
Chi phí khác	73.932.352.477	59.771.227.870

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước và sau khi được phân loại lại như sau

	31/12/2011 (PHÂN LOẠI LẠI) VND	31/12/2011 (THEO BÁO CÁO TRƯỚC ĐÂY) VND
Thuế phải nộp ngân sách nhà nước	27.618.572.089	23.358.608.046
Phải trả người lao động	56.986.161.767	53.872.350.956
Chi phí phải trả	16.678.038.149	24.051.813.003

Người lập

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

ngày 18 tháng 3 năm 2013

Người duyệt



Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON LIÊN DOANH LIÊN KẾT

Hệ thống các chi nhánh và đơn vị thành viên:

01 chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng

13 công ty con

06 công ty liên doanh liên kết.

CHI NHÁNH

Chi nhánh SAVICO Đà Nẵng

Địa chỉ: 66 Võ Văn Tần, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

ĐT: (84.511) 3647 858 - Fax: (84.511) 3646 517

CÁC CÔNG TY CON

1. Công ty Cổ Phần SAVICO Hà Nội

- Chủ đầu tư dự án TTTM

SAVICO Mega Mall

• 7-9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội.

ĐT: (84.4) 62 888 555

Fax: (84.4) 62 888 556

Email: info@savicohanoi.com

www.savicomegamall.com

2. Công ty TNHH Toyota Long Biên

• 7-9 Nguyễn Văn Linh, Q. Long Biên, Hà Nội

ĐT: (84.4) 62 777 999

Fax: (84.4) 62 777 990

(84.4) 62 777 998

Email: info@toyotalongbien.vn

3. Công ty Liên Doanh Toyota

Giải Phóng

• 807 Giải Phóng, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội

ĐT: (84.4) 3664 0124

Fax: (84.4) 3664 0127

Email: tgp@fpt.vn

www.toyotagiaiphong.com.vn

• Chi nhánh Pháp Vân

Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội

ĐT: (84.4) 3642 5588

Fax: (84.4) 3642 5599

4. Công ty TNHH Toyota Cần Thơ

• 20, Khu Đô Thị Phú An, Quang Trung, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, Tp. Cần Thơ

ĐT: (84.710) 391 9919

Fax: (84.710) 391 8899

www.toyotacantho.savico.com.vn

www.toyotacantho.com.vn

5. Công ty TNHH Đông Đô Thành

• 722 Điện Biên Phủ, P. 22, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 3512 2555

www.dongdothanh.savico.com.vn

www.dongdothanh.com

6. Công ty TNHH Sài Gòn Ôtô (Sài Gòn Ford)

• 61A Cao Thắng, P. 3, Q. 3, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 3818 1458

Fax: (84.8) 3818 1466

Email: saigonford@saigonford.com.vn

www.saigonford.savico.com.vn

www.saigonford.com.vn

Hệ thống:

• **Chi nhánh Phố Quang:** Trung tâm kinh doanh xe cũ & xưởng dịch vụ sửa chữa đồng sơn

Địa chỉ: 104 Phố Quang, P. 02, Q. Tân Bình, Tp. HCM

ĐT: (84.4) 3844.2947 / 3844.2948

Fax: (84.8) 3844 2896

Email: phoquang@saigonford.com.vn

• Chi nhánh tại Cần Thơ:

41A đường 3 Tháng 2, P. Xuân

Khánh, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

ĐT: (84.710) 3.730.720 / 3.730.719

Fax: (84.710) 3.730.716

Email: cantho@saigonford.com.vn

• Sài Gòn Automax:

72 Trần Đình Xu, Q.1, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 3838 9508

Fax: (84.8) 3838 9521

www.mazdabenthanh.com.vn

• Sài Gòn Automax:

295 Bến Chương Dương, Q.1, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 3920 4392

Fax: (84.8) 3920 4394

www.saigonautomax.bonbanh.com

7. Công ty Cổ Phần Bến Thành

Ôtô (Ben Thanh Ford)

• 831 Trường Chinh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 3815 7979

Fax: (84.8) 3815 8989

Email: benthanhford@

benthanhford.com.vn

www.benthanhford.savico.com.vn

www.benthanhford.com.vn

8. Công ty Cổ Phần Ôtô Thành Phố

06 Trần Hưng Đạo, Q.1, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 3915 3247

Fax: (84.8) 3915 3248

www.hyundaitranhungdao.com.vn

Chi nhánh:

56A An Dương Vương, P. 16, Q. 8, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 3755 8577

Fax: (84.8) 3755 8578

9. Công ty Cổ Phần Ôtô Sông Hàn

• 86 Duy Tân, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

ĐT: (84.511) 38 33 555

Fax: (84.511) 38 33 868

10. Công ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao

Trụ sở chính:

• 14 - 16 Trần Hưng Đạo, Q. 1, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 3837 8390

Fax: (84.8) 3838 6146

www.saigonngoisao.savico.com.vn

www.saigonngoisao.com.vn

Hệ thống:

Các showroom ô tô:

Showroom & Trạm bảo hành:

• 510 QL 13, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 3726 3022

(84.8) 3726 3023

Fax: (84.8) 3727 3133

Phòng trưng bày:

• 331C Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q. 1, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 3920 9497

(84.8) 3920 9498

Fax: (84.8) 3920 9496

Các cửa hàng gắn máy:

• Cửa hàng 14 - 16 Trần Hưng Đạo, Q. 1, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 3837 8390

Fax: (84.8) 3838 6146

• Cửa hàng: 3/9 Kha Vạn Cân, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 3897 9022

• Cửa hàng: 182 Trần Quốc Thảo, Q. 3, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 3931 1142

Fax: (84.8) 3931 2613

• Cửa hàng: 379 Quang Trung, Q. Gò Vấp, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 6257 9143

Công ty TNHH MTV Sài Gòn Phương Nam

• 325 Lý Tự Trọng, Q. 1, Tp. HCM

ĐT: (84.8) 3822.2615

Fax: (84.8) 6291 0324

www.yamahaphuongnam.savico.com.vn

• Cửa hàng: 7-9-11-13 Hải Thượng Lãn Ông, P. 10, Q. 5,

ĐT: (84.8) 3855 4878

Fax: (84.8) 3855 4800

11. Công ty TNHH TMDV Sài Gòn (Yamaha Cần Thơ)

Trụ sở chính:

• 164 - 166C, Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

ĐT: (84.710) 3780 164

Fax: (84.710) 3780 166

www.yamahausaigon.savico.com.vn

www.yamahausaigon.com

Hệ thống

• Cửa hàng: 164 - 166C, Đường 3/2, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

ĐT: (84.710) 3780 164

Fax: (84.710) 3780 166

• Cửa hàng: 164/1B Trần Ngọc Quế, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

ĐT: (84.710) 378 2982

• Cửa hàng: 45 (Kios 15-17-21 CVVH Miền Tây) Cách Mạng

Tháng Tám, P. An Thới, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ.
ĐT: (84.710) 378 3979
Fax: (84.710) 378 3839

12. Công ty TNHH TMDV TH SAVICO Me Kong

Trụ sở chính
55 - 55B Cách Mạng Tháng Tám, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT: (84.710) 382 7308
Fax: (84.710) 382 0205

Hệ thống
• Cửa hàng: 55 - 55B Cách Mạng Tháng Tám, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT: (84.710) 382 7308
Fax: (84.710) 382 0205
• Cửa hàng: 1263/6 Khu vực 4, P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, Tp. Cần Thơ.
ĐT: (84.710) 366 1200
• Chi nhánh: 349/30B Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

ĐT: (84.76) 393 5198
Fax: (84.76) 393 5098

13. Công ty TNHH SAVICO Vĩnh Long

• 291 ấp An Nhơn, Xã Trung Thành, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long
ĐT: (84.070) 3976 888
Fax: (84.070) 3976 777

CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

1. Công ty Cổ Phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)

• Showroom và văn phòng chính: 507 Xa Lộ Hà Nội, An Phú, Q. 2, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3898 9242
Fax: (84.8) 3898 9243
Email: tesc@toyotasaigon.com
www.toyotasaigon.savico.com.vn

Hệ thống

Chi Nhánh Gò Vấp:
• 18 Phan Văn Trị , P7, Q. Gò Vấp, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3989 6636
Fax: (84.8) 3989 6637
• Trung tâm xe đã qua sử dụng: 18 Phan Văn Trị, P. 10, Q. Gò Vấp, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3921 2808
Fax: (84.8) 3921 2809
Hotline: 0918 33 5050
Email: usedcar@toyotasaigon.com
www.toyotadaquasudung.com

2. Công ty Cổ Phần Dana - Danaford

Trụ sở chính:
56 Điện Biên Phủ - Q. Thanh Khê - Tp. Đà Nẵng
ĐT: 0511.3646555

Fax: 0511.3646746
Email: danaford@danaford.com.vn
www.dana.com.vn
Chi nhánh:
• Tại Bình Định: 73 Tây Sơn, Qui Nhơn, Bình Định
ĐT: (84.56) 354 6555
Fax: (84.56) 354 6488

3. Công ty TNHH TMDV Tổng Hợp Bến Thành - SAVICO

Trụ sở chính:
17 - 19, Trần Hưng Đạo, Q.1, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3914 3826
Fax: (84.8) 3914 2899
Showroom ô tô:
• Showroom & Trạm bảo hành: 48B Phan Văn Trị, Phường 07, Q. Gò Vấp, Tp. HCM.
ĐT: (84.8) 3989 9789
Fax: (84.8) 3989 9448

Các cửa hàng gắn máy:

• Cửa hàng: 1 Nguyễn Trãi, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3839 3687 - 3925 7322
• Cửa hàng: 17-19 Trần Hưng Đạo, Q. 1, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3914 3826 - 3914 2432
• Cửa hàng: 598-600 Cách Mạng

Tháng Tám, P.11, Q. 3, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3846 4124 - 3846 4135
• Cửa hàng: 144 Lê Văn Việt, Q. 9, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3730 9550
• Cửa hàng: 66 Cách Mạng Tháng Tám, P. 6, Q. 3, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3933 3633

4. Công ty TNHH ComfortDelgro SAVICO Taxi

• 325 Hồ Văn Huê, P. 2, Q. Tân Bình, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3842 4400
Fax: (84.8) 3842 4400
www.comfortsavico.com.vn
www.comfortsavico@vnn.vn
5. Công ty TNHH SAVICO – Vinaland
• 115 Hồ Tùng Mậu, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 38223093
Fax: (84.8) 38217548

6. Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội

• 56 Bến Vân Đồn, Q.4, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3943 3430
Fax: (84.8) 3943 3429

CÔNG TY SAVICO GÓP VỐN KINH DOANH

1. Công ty Cổ phần chứng khoán Phương Đông (ORS)

• 194 Nguyễn Công Trứ, P.NTB, Q. 1, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3914 4290
Fax: (84.8) 3914 2295

2. Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Bến Thành (TSC)

• 120 - 121 Bến Chương Dương, Q. 1, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3823 6724
Fax: (84.8) 3822 3390

3. Công ty CP du lịch Bến Thành Non Nước (Sandy Beach)

• 255 Huyền Trân Công Chúa, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng
ĐT: (84.511) 383 6216
Fax: (84.511) 383 6335

4. Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải (Tropicana)

• Tỉnh lộ 44A, Xã Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa, Tp. Vũng Tàu
ĐT: (84.64) 67 9999
Fax: (84.64) 67 8888

5. Công ty CP Đầu tư kinh doanh điện lực Tp.HCM

Địa chỉ: 29 đường số 41, P.6, Q.4, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 2211 7898
Fax: (84.8) 3826 4051





**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN**

66B-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 3821 3913

Fax: (84.8) 3821 3553

(84.8) 3821 5992

Email: savico@savico.com.vn

www.savico.com.vn